

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

-----***-----



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ HÀNG
DỆT MAY VIỆT NAM**

Sinh viên thực hiện : Đào Quang Thịnh

Lớp : Anh 2

Khóa : 44

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Phan Thị Thu Hiền

Hà Nội, 6 - 2009

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY	3
1.1 NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ	3
1.1.1 Khái niệm ngành công nghiệp phụ trợ.....	3
1.1.2 Vai trò của ngành công nghiệp phụ trợ trong nền kinh tế	5
1.2 NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY	7
1.2.1 Khái niệm ngành công nghiệp phụ trợ dệt may.....	7
1.2.2 Xu thế phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may trên thế giới.....	9
1.2.3 Đặc điểm và vai trò của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may	11
1.3 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....	13
1.3.1 Kinh nghiệm của Trung Quốc	14
1.3.2 Kinh nghiệm của Ấn Độ.....	15
1.3.3 Kinh nghiệm của Thái Lan	16
1.3.4 Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	17
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM	19
2.1 TỔNG QUAN VỀ NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM.....	19
2.1.1 Dệt may là ngành mũi nhọn nhưng hiệu quả kinh tế thấp.....	19
2.1.1.1 Dệt may là ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam	19
2.1.1.2 Dệt may vẫn là ngành mang lại hiệu quả kinh tế thấp	21
2.1.2 Cơ hội và thách thức với hàng dệt may Việt Nam khi là thành viên của WTO	24
2.2 NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM	27
2.2.1 Tình hình hoạt động và thực trạng của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam	27

2.2.2. Những hạn chế còn tồn tại của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may	43
2.2.2.1 Hạn chế của ngành sản xuất trang thiết bị máy móc, cơ kiện.....	43
2.2.2.2 Hạn chế của ngành sản xuất nguyên phụ liệu.....	45
2.2.2.3 Hạn chế về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	46
2.3 ĐÁNH GIÁ VỊ TRÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP DỆT MAY	49
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM.....	53
3.1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2015 TẦM NHÌN NĂM 2020	53
3.1.1 Quan Điểm và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam	53
3.1.2 Quan điểm và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may	56
3.1.3 Chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may	59
3.2 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM.....	62
3.2.1 Giải pháp Vĩ Mô.....	62
3.2.2 Giải pháp Vi Mô.....	73
KẾT LUẬN.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dệt may là ngành công nghiệp mũi nhọn, trọng điểm xuất khẩu của Việt Nam, trong nhiều năm gần đây dệt may luôn là ngành chiếm tỷ trọng xuất khẩu thứ 2, với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 20%/năm. Tuy nhiên đây lại là ngành bị đánh giá là hiệu quả còn chưa cao, nguyên nhân chính là vì ngành dệt may chủ yếu là hình thức may gia công xuất khẩu, phải nhập khẩu nguyên phụ liệu tới 60% - 70% hàng năm. Quá phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu làm khả năng cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam trên thị trường thế giới giảm sút mạnh mẽ, dễ bị biến động do những ảnh hưởng của tình hình cung cấp nguyên phụ liệu trên thế giới. Muốn tạo được cái gốc cho sự phát triển bền vững, duy trì và nâng cao sức phát triển tạo được hiệu quả kinh tế cao cho ngành dệt may thì yêu cầu tất yếu đặt ra là xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may vững vàng. Đảm bảo cho sự phát triển cân đối và bền vững, Việt Nam cần có chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may lâu dài. Đây là nhân tố quyết định đẩy nhanh quá trình chuyên môn hóa, cơ sở cho ngành dệt may phát triển lâu dài.

Tuy nhiên hẳn đây là vấn đề vô cùng nan giải, bài toán khó với những nhà kinh tế, nhà quản lý bởi vì cũng như các ngành công nghiệp phụ trợ khác, công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may còn manh mún, mới mẻ và nhiều vấn đề cần được tháo gỡ. Đã có rất nhiều những bài viết bàn về giải pháp cho ngành dệt may, phát triển ngành dệt may khi Việt Nam là thành viên của tổ chức WTO. Nhưng vẫn thiếu những nghiên cứu chuyên sâu về tình hình phát triển công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may.

Xuất phát từ thực tiễn đó em xin chọn đề tài “ ***Giải pháp xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ hàng dệt may Việt Nam***” với mong muốn đóng góp phần nào cho ngành công nghiệp dệt may nước nhà phát triển

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng của ngành dệt may nói chung và ngành công nghiệp phụ trợ dệt may nói riêng.

- Xác định ý nghĩa và sự cần thiết phải phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam

- Đưa ra những giải pháp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam trong điều kiện hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là ngành công nghiệp phụ trợ dệt may: ngành bông, tơ tằm nguyên phụ liệu và các ngành hỗ trợ và có liên quan tới ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam

Công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may gồm nhiều lĩnh vực khác nhau nên Khóa luận sẽ tập trung vào nghiên cứu các hoạt động chủ chốt và có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng một ngành công nghiệp phụ trợ dệt may bền vững.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận sẽ sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn thông qua các tài liệu sưu tầm của các đơn vị trong lĩnh vực sản xuất nguyên liệu phụ trợ hàng dệt may

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, khóa luận được chia làm 3 chương:

Chương I: Tổng quan về công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam

Chương II: Thực trạng ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam

Chương III: Một số giải pháp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành cô giáo Th.s Phan Thị Thu Hiền đã đóng góp ý kiến, hướng dẫn, chỉnh sửa để em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY

1.1 NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ

1.1.1 Khái niệm ngành công nghiệp phụ trợ

Công nghiệp phụ trợ không phải là điều gì mới mẻ đối với các nước công nghiệp phát triển cũng như những quốc gia đang phát triển. Ngành công nghiệp này xuất hiện từ khi xã hội có sự phân công lao động ở trình độ cao. Công nghiệp phụ trợ chính là tổng hợp các ngành công nghiệp vệ tinh phục vụ cho các ngành công nghiệp chính. Nước Mỹ - một nước có nền công nghiệp phát triển lâu đời vào hàng bậc nhất thế giới đã đưa ra khái niệm về công nghiệp phụ trợ: “Công nghiệp phụ trợ là các ngành cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện và thực hiện quá trình hỗ trợ việc sản xuất các nguyên vật liệu và linh kiện đó nhằm phục vụ việc lắp ráp các sản phẩm công nghiệp cuối cùng” [1]. Còn Thái Lan một nước đang phát triển điển hình thì định nghĩa: “Công nghiệp phụ trợ là các ngành cung cấp các linh kiện máy móc và các dịch vụ kiểm tra cho các ngành công nghiệp cơ bản”.

Tuy hai định nghĩa trên từ ngữ không giống nhau nhưng đều có những nét tương đồng nhất định. Thứ nhất đó là ngành công nghiệp có sự kết hợp giữa nhân tố con người và máy móc trong môi trường làm việc có tính chuyên môn hóa cao. Dễ nhận thấy nhất là sản phẩm của công nghiệp phụ trợ là các sản phẩm trung gian và các tư liệu sản xuất và khách hàng của các ngành công nghiệp phụ trợ là các nhà lắp ráp trong nước và nước ngoài đặt ở thị trường trong nước; và các nhà lắp ráp nước ngoài đặt ở thị trường nước ngoài, đây thường là các công ty đa quốc gia.

Công nghiệp phụ trợ là ngành đòi hỏi nhiều vốn và trình độ cao, với chi phí cố định cao và hiệu quả theo quy mô ngày càng tăng, công nghiệp phụ trợ cần nhiều vốn hơn cả ngành lắp ráp sản phẩm. Trong khi quá trình lắp ráp sản

phẩm cần nhiều lao động thì việc sản xuất các linh kiện, bộ phận, công cụ lại cần nhiều máy móc và ít lao động hơn. Bất kỳ nhà đầu tư nào lắp đặt hệ thống máy móc cho nhà máy thì chi phí vốn sẽ luôn ở một mức cố định cho dù hệ thống máy này được vận hành liên tục hay chỉ vận hành trong thời gian nhất định. Lao động trong ngành công nghiệp phụ trợ là kỹ sư, hay công nhân kỹ thuật cao, vì vậy mà công nghiệp phụ trợ ở các nước đang phát triển có xu hướng kém tính cạnh tranh hơn do họ không có khả năng tài chính và lao động có trình độ để tận dụng và vận hành tốt các thiết bị.

Công nghiệp phụ trợ bao phủ một phạm vi rộng trong các ngành chế tạo. Thực tế, một số ngành công nghiệp phụ trợ như cán ép nhựa, cán ép kim loại... đều là đầu vào cho các ngành công nghiệp điện tử, ô tô, xe máy. Các sản phẩm điện tử gia dụng và xe máy đều sử dụng các bộ phận nhựa được sản xuất thông qua một quá trình tương tự nhau. Các sản phẩm điện tử xe máy, ô tô đều phải sử dụng các thiết bị ép kim loại. Do đó có thể nói rằng công nghiệp phụ trợ là nguồn tạo năng lực cạnh tranh cho nhiều ngành công nghiệp.

Sản phẩm của công nghiệp phụ trợ có thể dùng trong nước hoặc xuất khẩu. Không chỉ đơn thuần hỗ trợ các ngành công nghiệp nội địa, đối với các nước có ngành công nghiệp phụ trợ phát triển thì sản phẩm của ngành công nghiệp phụ trợ sau khi đảm bảo cung cấp cho công nghiệp trong nước có thể xuất khẩu sang các nước khác. Với những nước phát triển thì luôn dẫn đầu trong việc xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp phụ trợ, trái lại những nước đang phát triển hay kém phát triển luôn phải nhập khẩu một lượng lớn linh phụ kiện cho lắp ráp trong nước. Một vấn đề đặt ra ở đây là khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp phụ trợ xuất khẩu với các sản phẩm nội địa. Khả năng cạnh tranh này phụ thuộc rất lớn vào nguồn nhân công rẻ, có tay nghề, một hệ thống logistic hiệu quả để giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng của sản phẩm xuất khẩu. Có như vậy, sản phẩm ngành dệt may mới chiếm lĩnh được thị trường xuất khẩu, phát triển bền vững.

Các nhà nghiên cứu tổng kết rằng quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp phụ trợ ở các nước đang phát triển có thể chia thành ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là thời kỳ đầu, khi chưa có đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong nước thường đã có ít nhiều cơ sở công nghiệp phụ trợ cung cấp linh phụ kiện cho các đơn vị sản xuất, lắp ráp thành phẩm. Đến khi có đầu tư nước ngoài, một số cơ sở công nghiệp phụ trợ sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, nếu tham gia được vào mạng lưới sản xuất của các doanh nghiệp FDI. Giai đoạn thứ 2 là khi FDI tăng mạnh khiến nhu cầu về linh kiện gia tăng, làm tăng nhanh số lượng các cơ sở công nghiệp phụ trợ trong nước phục vụ các doanh nghiệp FDI. Những cơ sở nào sớm hình thành mối liên kết với các doanh nghiệp FDI sẽ được hỗ trợ về nhiều mặt (đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thiết bị kỹ thuật, chuyển giao công nghệ...) và sẽ có bước tiến vượt bậc. Giai đoạn 3 là thời kỳ phát triển cao trào. Sau một thời gian hoạt động, quy mô hoạt động của các doanh nghiệp FDI được mở rộng, tạo thị trường ngày càng lớn cho công nghiệp phụ trợ, theo đó nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng có thể tìm đến để đầu tư vào lĩnh vực này.

1.1.2 Vai trò của ngành công nghiệp phụ trợ trong nền kinh tế

Công nghiệp phụ trợ là động lực của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và là nền tảng cho việc phát triển bền vững các ngành công nghiệp chủ lực của mọi quốc gia. Trước tiên công nghiệp phụ trợ hỗ trợ ngành công nghiệp nội địa phát triển. Đây là vai trò dễ nhận thấy nhất của công nghiệp phụ trợ, điển hình cho vai trò này phải kể đến Nhật Bản, quốc gia có nền công nghiệp phụ trợ phát triển vào loại bậc nhất thế giới. Nhật Bản từ một đất nước bị tàn phá nặng nề sau thế chiến thứ hai, tài nguyên kiệt quệ, sau đó đã phát triển như vũ bão, trở thành hiện tượng “thần kỳ” Nhật Bản với những thành tựu lớn trong công nghiệp, không thua kém những nước có nền công nghiệp phát triển như Âu, Mỹ. Có được điều này là nhờ Nhật Bản đã chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ, cụ thể hơn là thành lập các doanh nghiệp

“vệ tinh” vừa và nhỏ trong nước có khả năng cung cấp và hỗ trợ các doanh nghiệp lớn, nền tảng của những ngành công nghiệp.

Thứ hai công nghiệp phụ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng công nghiệp xuất khẩu, khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu dựa vào 3 yếu tố cơ bản: chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng (khả năng cung cấp hàng nhanh chóng). Trong đó, chi phí có thể coi là nhân tố quan trọng hàng đầu. Chi Phí của một sản phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí nhân công, chi phí sản xuất... tùy vào đặc điểm của từng ngành nghề, từng sản phẩm mà tỷ lệ giữa các chi phí có thể khác nhau. Tuy nhiên, xét đến sản phẩm công nghiệp thì chi phí về nguyên vật liệu đầu vào linh kiện, phụ tùng lại là lớn nhất. Ví dụ như hàng may mặc thì chi phí nguyên vật liệu chiếm tới 70% tổng chi phí.

Như vậy, việc giảm chi phí về linh kiện sẽ hiệu quả hơn so với chi phí nhân công. Trong khu vực ASEAN, các quốc gia hầu như đều sở hữu nguồn nhân công giá rẻ. Do đó cách tốt nhất để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu trong điều kiện giá nhân công tương đồng như vậy là giảm thiểu chi phí về nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng. Đạt được điều này cần phát triển mạnh mẽ nền công nghiệp phụ trợ.

Thứ ba, công nghiệp phụ trợ là điều kiện thiết yếu để một quốc gia có thể tăng cường đón nhận chuyển giao công nghệ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Các công ty nước ngoài, chủ yếu là các công ty đa quốc gia thường chọn những nơi có nền công nghiệp phụ trợ phát triển nhằm cắt giảm chi phí trong khâu nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng. Mặt khác đi cùng với những công ty đa quốc gia là máy móc, công nghệ hiện đại được chuyển giao sang nước tiếp nhận đầu tư, nên một quốc gia muốn tạo được hình ảnh trong mắt nhà đầu tư phải tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành công nghiệp phụ trợ. Do đó, dù trực tiếp hay gián tiếp công nghiệp phụ trợ sẽ góp phần quan trọng trong đổi mới sản xuất, nâng cao nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện

đại của một quốc gia – yếu tố then chốt để xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ trong thời đại ngày nay.

1.2 NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY

1.2.1 Khái niệm ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

Từ khái niệm ngành công nghiệp phụ trợ, chúng ta có được khái niệm ngành công nghiệp phụ trợ dệt may là ngành chuyên sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho ngành công nghiệp dệt may. Công nghiệp phụ trợ dệt may bao gồm 2 nhóm sản phẩm chính : máy móc trang thiết bị sử dụng trong công nghiệp dệt may và nguyên liệu, phụ kiện phục vụ quá trình sản xuất ra sản phẩm dệt may.

Nhóm máy móc trang thiết bị sử dụng trong công nghiệp dệt may bao gồm những sản phẩm chính như: máy may, máy kéo sợi; máy đánh ống; máy chải; máy sợi con; rô tô kéo sợi; máy dệt; máy ghép; thiết bị thêu; thiết bị làm lạnh; điều hòa phân xưởng; hệ thống làm lạnh dạng mở; bàn ủi phẳng và bàn ủi ép.

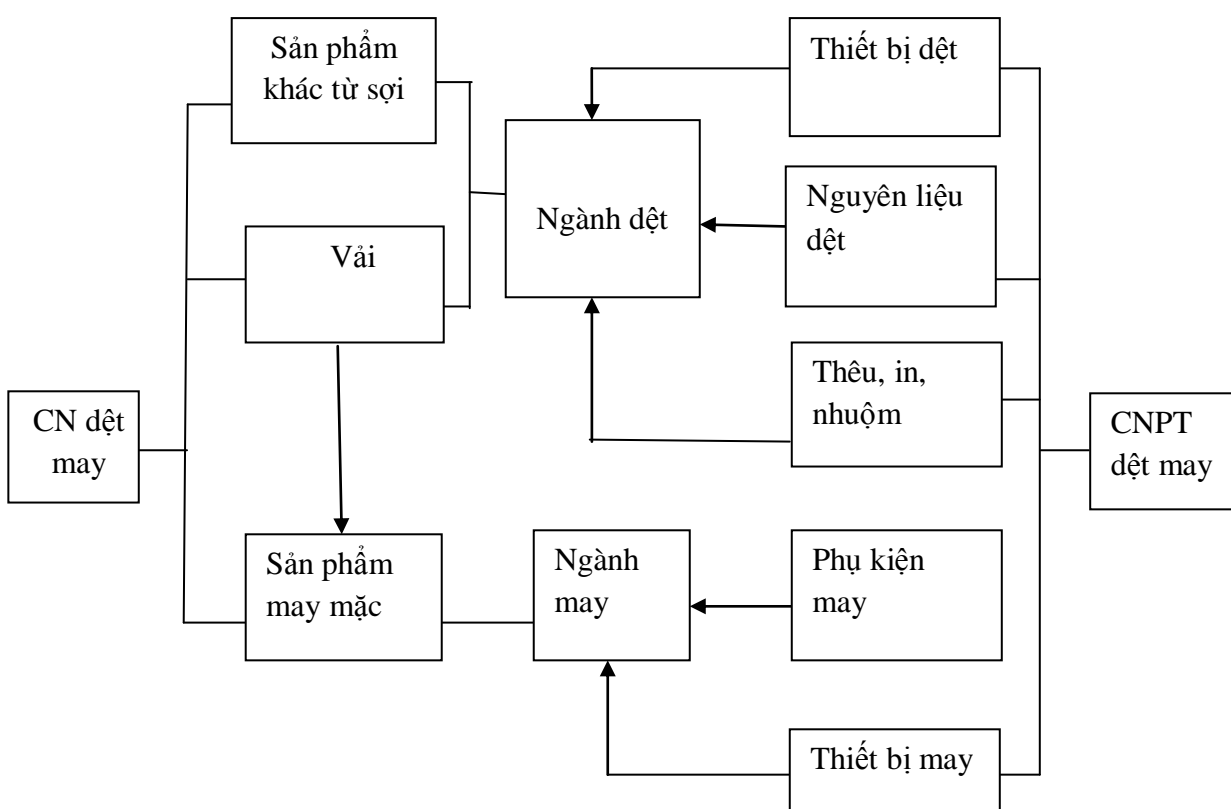
Nguyên phụ liệu, phụ kiện phục vụ quá trình sản xuất ra sản phẩm dệt may bao gồm: bông; xơ; sợi; các loại vải; khóa léo; khuy; ren; chỉ may; chỉ thêu; mác...

Hoạt động sản xuất nguyên liệu dệt may rất đa dạng và bao gồm nhiều loại hoạt động sản xuất cụ thể khác nhau như trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm vải hay các hoạt động chế tạo và sản xuất các loại phụ liệu, phụ kiện của ngành dệt may. Trong các loại nguyên liệu tự nhiên, bông và lông cừu là những loại nguyên liệu quan trọng và được sử dụng nhiều nhất cho ngành dệt may dân dụng. Tuy nhiên một đặc trưng của hoạt động sản xuất nguyên liệu tự nhiên như trồng bông hay chăn nuôi cừu là sự phụ thuộc và chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các điều kiện tự nhiên như khí hậu, nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, thổ nhưỡng ...

Ngược lại hoạt động sản xuất sợi tổng hợp thông qua việc phát triển công nghiệp hóa dầu lại hoàn toàn thuần túy là hoạt động sản xuất và chế tạo

công nghiệp. Vì vậy, yếu tố vốn đầu tư và công nghệ lại đóng vai trò then chốt và có tầm quan trọng sống còn trong việc sản xuất xơ sợi tổng hợp. Trong xu thế phát triển nguyên liệu phục vụ ngành dệt may, sản xuất xơ sợi tổng hợp sẽ ngày càng có ý nghĩa và chiếm tỷ trọng lớn hơn so với hoạt động sản xuất nguyên liệu tự nhiên.

Hình 1: Mối quan hệ giữa ngành công nghiệp dệt may và ngành công nghiệp phụ trợ dệt may



Thiết bị, nguyên liệu dệt, thêu in phục vụ trực tiếp cho ngành dệt còn phụ kiện may và thiết bị may phục vụ trực tiếp ngành may, đây là hai ngành cơ sở tạo nên Ngành công nghiệp dệt may. Khi tách rời ngành công nghiệp dệt may thành hai bộ phận là ngành may và ngành dệt thì ta có sản phẩm của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may cũng có thể chia thành hai nhóm chính: (1) máy móc trang thiết bị ngành dệt; nguyên vật liệu ngành dệt (bông, len,

lanh, tơ tằm...); các thiết bị sử dụng trong công đoạn nhuộm và hoàn tất vải, và (2) máy móc trang thiết bị ngành may; phụ kiện ngành may (khóa kéo, khuy chỉ may, ren...)

1.2.2 Xu thế phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may trên thế giới

Cùng với sự tiến bộ và phát triển của công nghệ và khoa học kỹ thuật nói chung, hiện nay công nghệ sản xuất nguyên liệu dệt may (kéo sợi và dệt vải) cũng đang phát triển rất nhanh. Mỹ, Nhật Bản và các nước châu Âu đã nhận biết được khuynh hướng này và để tránh vướng vào các vấn đề chi phí, tranh chấp lao động cũng như cạnh tranh trực tiếp với các nước đang phát triển, các nước này đang tìm cách định hướng lại ngành công nghiệp dệt may của họ từ tập trung vào sản xuất may mặc như trước đây sang các hoạt động sản xuất nguyên liệu dệt may sử dụng công nghệ cao. Các hoạt động sản xuất có hàm lượng công nghệ thấp và sử dụng nhiều lao động được chuyển dần sang các nước đang và kém phát triển.

Với hạn chế trong việc tăng khả năng sản xuất các loại nguyên liệu dệt may tự nhiên, các công ty sản xuất dệt may trên thế giới đang có xu hướng tập trung phát triển và sản xuất các loại sợi, vải tổng hợp mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu không ngừng thay đổi của con người. Người tiêu dùng tại các thị trường dệt may lớn của thế giới như Mỹ, Nhật và EU đều đang có xu hướng ưa thích các sử dụng sản phẩm dệt kim từ bông và các vật liệu mới như sợi spandex, sợi PTT, sợi coolmark... Các sản phẩm mới được ưa chuộng thường có đặc tính mẫu mã đẹp, hút ẩm, nhanh khô, thoải mái khi mặc và thích hợp để sản xuất đồ thể thao và các đồ thời trang.

Sợi hóa học đang ngày càng trở nên phổ biến và sản lượng sản xuất, tiêu thụ sợi hóa học tăng nhanh hơn nhiều lần so với sợi tự nhiên vì sợi tự nhiên hình thành từ nguyên liệu tự nhiên, từ hoạt động trồng dâu nuôi tằm nên ít nhiều bị hạn chế về quy mô sản xuất sợi. Trong khoảng thời gian từ năm 1900 đến 1975 sản lượng sợi tự nhiên chủ yếu gồm sợi bông và sợi len, tăng 4,3 lần

từ 3,8 tấn lên 16 triệu tấn trong khi sợi hóa học tăng khoảng 11000 lần, từ 1000 tấn lên 11 triệu tấn [1]. Hiện nay số lượng tiêu thụ trong ngành may mặc khoảng 30 triệu tấn/ năm, trong đó tỷ lệ giữa sợi tự nhiên so với sợi hóa học khoảng 40%: 60%.

Kể từ ngày 1/1/2005, Hiệp ước về dệt may ATC (Agreement on Textiles and Clothing) đã chính thức hết hiệu lực đối với các nước thành viên của tổ chức thương mại thế giới, chấm dứt 60 năm hạn chế và bảo hộ trong thương mại hàng dệt may. Tại các nước Bắc Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, Úc và Trung Đông, sự chênh lệch giữa sản xuất và nhu cầu thị trường đang ngày càng tăng. Tại Bắc Mỹ, nhu cầu về nguyên liệu dệt may tăng bình quân 2,1%/ năm trong khi năng lực sản xuất giảm 0,2% năm [2]. Một lý do cho sự mất cân bằng này là việc dịch chuyển hoạt động sản xuất từ các quốc gia phát triển sang các quốc gia đang và kém phát triển trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết vì các hàng rào hạn ngạch và thuế quan đã và đang dần được xóa bỏ. Đồng thời, trong xu thế tự do hóa thị trường này, quy luật về lợi thế quy mô sẽ lại càng phát huy tác dụng, khiến các nước có nền sản xuất dệt may quy mô nhỏ, thiếu tiềm năng sẽ bị tác động và ảnh hưởng tiêu cực một cách nặng nề, có thể dẫn tới phá sản một ngành sản xuất.

Xét về mặt công nghệ sản xuất, cùng với những thành tựu về phát triển và tiến bộ khoa học công nghệ, máy móc thiết bị dệt may cũng đã tăng dần lượng giá trị công nghệ và tự động hóa, giảm dần hàm lượng giá trị của yếu tố lao động, công nghệ sản xuất hàng dệt may được cải tiến theo chu kỳ 4 năm. Đây là vòng thời gian luân phiên tổ chức hội chợ máy móc công nghiệp dệt may thế giới ITMA (International Exhibition of Textile Machinery), một sự kiện được coi là cuộc thi Olympics về công nghệ dệt may trong đó các hãng sản xuất máy móc trong ngành dệt may đưa ra trưng bày và giới thiệu những mẫu máy mới. Ngoài các quốc gia phát triển có vị thế truyền thống trong công nghệ dệt may như Đức, Italia, Nhật Bản, Mỹ, các quốc gia phát triển và đang

phát triển khác như Hàn Quốc, Braxin, Ấn Độ, Trung Quốc... cũng đang trở thành những trung tâm mới của công nghệ và sản xuất nguyên liệu dệt may. Tuy nhiên các quốc gia công nghiệp phát triển vẫn tiếp tục duy trì sự khống chế về công nghệ cao của họ bằng cách chỉ chuyển giao sang các nước đang phát triển những máy móc thuộc công nghệ cũ và lạc hậu.

1.2.3 Đặc điểm và vai trò của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

Công nghiệp phụ trợ đóng góp tỷ trọng lớn vào giá trị sản phẩm dệt may. Bởi mục đích chính của công nghiệp phụ trợ dệt may là sản xuất các máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu cho ngành dệt may, là công nghiệp đầu vào của công nghiệp dệt may. Có thể ví ngành công nghiệp phụ trợ dệt may như là cánh quạt giúp cho ngành dệt may cất cánh. Theo nghiên cứu về ngành dệt may của Tổ Chức Bảo vệ môi trường Mỹ (US EPA) nguyên liệu thô chiếm khoảng 60% giá trị của sợi thành phẩm, trong khi đó giá trị sợi và vải trung bình chiếm đến hơn 80% giá trị của sản phẩm may mặc cuối cùng. Một nhiệm vụ quan trọng của công nghiệp phụ trợ dệt may là sản xuất máy móc linh kiện trang thiết bị sử dụng trong ngành dệt may. Việc sản xuất này đòi hỏi có sự đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng cũng như kỹ thuật công nghệ tiên tiến hiện đại. Nếu như ngành dệt may cần nhiều lao động thì ngành công nghiệp phụ trợ dệt may lại sử dụng nhiều máy móc trang thiết bị thay thế sức lao động của con người và đòi hỏi đội ngũ kỹ sư có trình độ cao, có khả năng nắm bắt, tiếp thu các kỹ thuật công nghệ tiên tiến.

Công nghiệp phụ trợ dệt may có liên quan mật thiết với các ngành công nghiệp cơ bản khác, như công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp điện, công nghiệp luyện kim, công nghiệp cơ khí, công nghiệp hóa chất. Năm ngành công nghiệp này là bộ khung tạo nên ngành công nghiệp phụ trợ dệt may. Máy móc sử dụng trong ngành công nghiệp dệt may chủ yếu là sản phẩm của ngành công nghiệp luyện kim và cơ khí (để sản xuất các loại máy móc trang thiết bị, linh kiện sử dụng trong công nghiệp dệt may), trong khi đó

để có thể vận hành được công nghiệp phụ trợ dệt may cần tiêu thụ một lượng điện năng cũng như lượng dầu rất lớn. Ngoài ra ngành công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp hóa chất phát triển tạo điều kiện cho việc tổng hợp sợi hóa học, giảm lượng phụ thuộc vào sợi tự nhiên – bị hạn chế bởi khí hậu, đất đai và tay nghề của người trồng dâu, nuôi tằm và hoạt động xe sợi thủ công.

Công nghiệp phụ trợ dệt may thường được tiến hành tại các công ty vừa và nhỏ (SMEs). Bởi vì các công ty này có khả năng chuyên môn hóa rất cao, chi tiết đến từng bộ phận linh kiện, do đó có thể nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra một liên kết chặt chẽ trong toàn ngành. Trên thế giới các ngành công nghiệp phụ trợ thường được tiến hành tại các công ty vừa và nhỏ nên đôi khi người ta đồng nhất công nghiệp phụ trợ với SMEs như một số nước ở châu Âu, Mỹ. Tuy nhiên từ trước đến nay, công nghiệp phụ trợ tại những nước đang và kém phát triển lại đi theo hướng liên kết dọc với phương thức sản xuất khép kín tại các công ty lớn, rất ít doanh nghiệp SMEs tham gia vào hoạt động này.

Công nghiệp phụ trợ dệt may có mối quan hệ mật thiết với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Công nghiệp phụ trợ dệt may và FDI có mối quan hệ tương hỗ nhau, thể hiện trên nhiều khía cạnh. Một mặt FDI là tiền đề thúc đẩy công nghiệp phụ trợ trong nước hình thành và phát triển. Chính nguồn vốn FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp chế tác – chủ yếu là hoạt động gia công lắp ráp đã tạo ra ngành công nghiệp phụ trợ ở các nước đang phát triển. Các nghiên cứu đã nói nhiều đến tác động lan tỏa của các doanh nghiệp FDI với nền công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp phụ trợ nói riêng ở nước sở tại. Mặt khác, sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp phụ trợ trong nước sẽ làm tăng sức hấp dẫn thu hút FDI. Các nhà đầu tư nước ngoài trong công nghiệp chế tác để nâng cao sức cạnh tranh của mình họ vẫn rất cần ngành công nghiệp phụ trợ phát triển ở nước sở tại bởi vì chi phí linh kiện phụ tùng chiếm một tỷ trọng lớn hơn rất nhiều so với chi phí

nhân công trong giá thành sản phẩm. Như thế, những nước đang phát triển cần thu hút FDI không chỉ vào ngành công nghiệp phụ trợ dệt may mà còn vào ngành công nghiệp chính là dệt may.

Với vai trò quan trọng như vậy, công nghiệp phụ trợ dệt may có ý nghĩa vô cùng lớn với toàn bộ ngành công nghiệp dệt may. Một quốc gia muốn có một ngành công nghiệp dệt may hoàn chỉnh và phát triển bền vững, quốc gia đó phải có ngành công nghiệp sản xuất máy móc, nguyên phụ liệu dệt may phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa đối với những quốc gia lấy ngành may mặc là ngành sản xuất mũi nhọn thì sự phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu sẽ biến quốc gia đó trở thành công trường làm thuê trong thị trường dệt may thế giới.

1.3 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Châu Á được biết đến là khu vực sản xuất và xuất khẩu dệt may lớn nhất trên thế giới với các cường quốc về hàng dệt may như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Pakistan, Thái Lan... Ưu tiên phát triển dệt may là sự lựa chọn của nhiều quốc gia trên thế giới trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa bởi ngành dệt may đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của nhân dân, vừa là nguồn tích lũy quan trọng vừa là thị trường tiêu thụ máy móc thiết bị do đó đẩy ngành chế tạo máy và công nghiệp nặng phát triển. Cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 đánh dấu con đường nước Anh trở thành đại công xưởng của thế giới đồng thời cũng là quê hương của ngành dệt. Đây cũng là con đường mà Trung Quốc, Ấn Độ hay Thái Lan lựa chọn.

1.3.1 Kinh nghiệm của Trung Quốc

Ngành dệt may Trung Quốc tăng trưởng 500% từ năm 1990 đến năm 2008, giá trị sản lượng tăng từ 10 tỷ USD lên tới hơn 50 tỷ USD, sử dụng 15 triệu nhân công, sản xuất 25 tỷ m² vải. Hiện nay Trung Quốc đứng đầu thế giới về giá trị xuất khẩu và thị phần xuất khẩu dệt may, chiếm trên 20% kim ngạch thế giới [2]. Đạt được những kết quả ấn tượng này ngành dệt may Trung Quốc đã phải có những giải pháp hữu hiệu, xây dựng công nghiệp phụ trợ cho hàng dệt may vững mạnh.

Nhìn lại quá trình lịch sử từ thời cổ đại, dệt may đã là ngành thủ công truyền thống và quan trọng, nổi tiếng với “con đường tơ lụa”. Đất đai khí hậu thuận lợi để phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ cho ngành dệt may. Đặc biệt là nguồn lao động dồi dào, Trung Quốc là nhà sản xuất và cung cấp nguyên liệu dệt may lớn nhất thế giới chiếm tới 25% sản lượng bông, khoảng 18% sản lượng len thô và 33% sản lượng xơ sợi toàn thế giới.

Kết quả trên có được là phải kể đến thành công rực rỡ của Trung Quốc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ quy mô và hiện đại. Nếu như trong mô hình công nghiệp hóa cổ điển, kết cấu hạ tầng được phát triển sau cùng trong cách mạng công nghiệp thì Trung Quốc lại coi kết cấu hạ tầng là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của quá trình công nghiệp hóa. Cùng với cơ sở hạ tầng, Trung Quốc đẩy mạnh việc áp dụng những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ vào sản xuất. Chính những điểm này đã mang lại những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may của Trung Quốc.

Trước năm 1998 cũng như nhiều quốc gia đang phát triển khác thì Trung Quốc có một hệ thống trang thiết bị lạc hậu, cơ sở sản xuất nhỏ, phân tán, hiệu quả thấp. Đứng trước khó khăn này chính phủ Trung Quốc quyết tâm tiến hành đổi mới ngành dệt may, với những nội dung chủ yếu là:

Chính phủ khuyến khích đầu tư máy móc, công nghệ hiện đại và loại bỏ dần những máy móc cũ và lạc hậu. Riêng năm 1998, Trung Quốc đã loại bỏ 5,12 triệu cọc sợi cũ, chấp nhận cắt giảm 60000 việc làm trong ngành dệt. Để khuyến khích việc loại bỏ máy móc cũ, thay thế máy móc mới cũng như giải quyết các khó khăn về tài chính của doanh nghiệp, Chính Phủ Trung Quốc thực hiện trợ cấp cho ngành dệt may thông qua hình thức cấp tiền trợ cấp và vốn vay ưu đãi cho doanh nghiệp loại bỏ số cọc sợi cũ (trợ cấp 3 triệu nhân dân tệ và cho vay ưu đãi 2 triệu nhân dân tệ với mỗi 10000 cọc sợi cũ bị loại bỏ) [3]. Chính sách này đi kèm với việc chính phủ tăng các mức thuế khác để bù đắp chi phí khi xuất khẩu hàng dệt may.

Quy hoạch tập trung sản xuất nguyên liệu dệt may vào các khu vực duyên hải có truyền thống lâu năm về ngành sản xuất nguyên liệu và may mặc nhằm tận dụng kinh nghiệm sản xuất, điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng và lực lượng lao động dồi dào có tay nghề cao tại các khu vực này. Việc tập trung cũng nhằm phát huy lợi thế về quy mô sản xuất để hạ giá thành sản phẩm.

Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất dệt may nhằm phát triển công nghệ và các chiến lược thị trường, thông qua đó nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Các khu vực quy hoạch cho sản xuất công nghiệp dệt may cũng chính là khu vực thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế sớm nhất ở Trung Quốc. Thu hút lượng lớn nguồn vốn của gần 60 triệu Hoa Kiều sống ở khắp nơi trên thế giới luôn hướng về đất nước, đây là nguồn tài chính khổng lồ không phải quốc gia nào cũng có được.

Tận dụng phương thức gia công xuất khẩu nhằm tranh thủ nguyên liệu, vốn và thị trường nước ngoài trong khi các yếu tố đầu vào khác như cơ sở vật chất và lao động đang sẵn có và dồi dào.

1.3.2 Kinh nghiệm của Ấn Độ

Ấn Độ cũng coi phát triển dệt may là ngành mũi nhọn của mình, chiếm đến 10% sản lượng công nghiệp, 28% tổng kim ngạch xuất khẩu và tạo ra 15

triệu công ăn việc làm. Hiện nay, Ấn Độ có hơn 27000 xí nghiệp sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước và hơn 100000 xí nghiệp phục vụ xuất khẩu [4].

Nghề dệt may cũng là nghề truyền thống lâu đời của Ấn Độ với lợi thế nguồn nhân lực dồi dào, khéo tay – rất phù hợp với đặc điểm của ngành dệt may. Điểm mạnh của công nghiệp dệt may Ấn Độ là tự chủ được nguyên liệu đầu vào trên cơ sở được thiên nhiên ưu đãi. Ngành dệt bông là ngành quan trọng nhất trong công nghiệp dệt may Ấn Độ, trong đó nội địa cung cấp 55% nguồn sợi bông, 90% sản phẩm từ ngành dệt bông là dành cho xuất khẩu.

Một chính sách hết sức thiết thực của Ấn Độ là tổ chức những quỹ tín dụng nhỏ đối với các hợp tác xã bao gồm cả hợp tác xã dệt trong các vùng nông thôn của Ấn Độ. Chính sách này giúp các hộ nông dân có vốn để đầu tư máy móc nhằm nâng cao chất lượng của sợi vải.

1.3.3 Kinh nghiệm của Thái Lan

Ngành công nghiệp dệt may Thái Lan hiện nay là ngành có tỷ trọng đóng góp lớn nhất trong giá trị sản xuất công nghiệp khoảng 26%, sử dụng hơn 1 triệu lao động và là ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất. Mặc dù có lịch sử lâu đời, sản xuất dệt may của Thái Lan chỉ trở thành một ngành công nghiệp thực sự từ năm 1936 khi Bộ Quốc Phòng nước này nhập 3232 cọc sợi và 72 máy dệt từ Đức phục vụ nhu cầu quân nhu. Và phải đến tận năm 1946, nhà máy sợi tư nhân đầu tiên mới được thành lập với 3600 cọc sợi. Kể từ thời điểm 1946, ngành công nghiệp dệt may Thái Lan đã phát triển nhanh chóng, đặc biệt trong lĩnh vực kéo sợi khi số lượng cọc sợi tăng gần 10 lần trong vòng 6 năm từ 1946 đến 1952. Tuy nhiên sau 1952, ngành kéo sợi của Thái Lan bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi sợi bông nhập khẩu giá rẻ từ Pakistan khiến ngành sản xuất này bị sụp đổ với sự phá sản của nhiều nhà máy sợi. Cho đến những năm 1980, sau nhiều năm thực hiện chính sách bảo hộ sản xuất nội địa, hoạt động sản xuất nguyên liệu dệt may của Thái Lan lại phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ nhằm đáp ứng yêu cầu của sản xuất may mặc. Hiện nay

Thái Lan định hướng phát triển công nghiệp phụ trợ hiện đại với máy móc trang thiết bị tiên tiến:

Chính phủ ưu tiên dành các nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển Châu Á để đầu tư phát triển ngành sản xuất nguyên liệu hiện đại, tự động hóa và ứng dụng công nghệ cao nhằm sản xuất ra các sản phẩm cao cấp, chất lượng tốt. Nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng với chất lượng ngày càng cao của thị trường, xây dựng thương hiệu dệt may Thái Lan có sức cạnh tranh cao trên thị trường thế giới.

Chính phủ bảo hộ ngành sản xuất nguyên liệu nội địa bằng cách áp dụng mức thuế cao với hàng nhập khẩu. Tuy nhiên mặt tiêu cực của chính sách này là hạn chế tính cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Thái Lan do giá thành bị đẩy cao.

Khuyến khích đầu tư và ưu tiên sử dụng máy móc công nghệ hiện đại, áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, tập trung cạnh tranh tại phân khúc thị trường sản phẩm chất lượng cao. Thành lập viện dệt may Thái Lan để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất công nghệ cao.

1.3.4 Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ thực trạng, kinh nghiệm của những nước sản xuất may mặc lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan như trên, Việt Nam cũng có thể rút ra những bài học quý báu cho ngành công nghiệp phụ trợ của mình:

Thứ nhất, về máy móc thiết bị cung cấp cho dệt may. Bên cạnh các xưởng cơ khí của các công ty dệt may thuộc Vinatex làm nhiệm vụ sửa chữa thay thế phụ tùng, cơ điện thì còn một số công ty cơ khí chuyên ngành sản xuất các phụ tùng, cơ kiện và trang thiết bị phục vụ cho ngành dệt may như công ty cổ phần cơ khí may Gia Lâm, công ty cổ phần cơ khí may Nam Định, Hưng Yên, Thủ Đức. Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng do năng lực hạn chế, thiết bị lạc hậu nên không đáp ứng kịp yêu cầu phát triển rất nhanh của các doanh nghiệp dệt may. Phụ tùng cơ kiện cho ngành dệt may, các doanh

nghiệp chủ yếu vẫn nhập từ nước ngoài tới 70- 80%. Hầu hết các xưởng cơ khí cũ đều không phát huy được hiệu quả do không đáp ứng được yêu cầu khắt khe về giá cả chất lượng, thời gian giao hàng cho các doanh nghiệp dệt. Vì vậy Việt Nam nên xác định yếu tố máy móc và công nghệ tiên tiến là một nhu cầu và đòi hỏi tất yếu của thời hiện đại. Xu hướng tiêu dùng và cạnh tranh trên thế giới đang chuyển dần sang coi trọng yếu tố chất lượng. Các công ty sản xuất nguyên liệu dệt may cần có sự đầu tư, thay thế máy móc lạc hậu thế hệ cũ bằng máy móc hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

Thứ hai, sản xuất nguyên liệu dệt may nên được quy hoạch thành các vùng hoặc sản xuất tập trung nhằm tạo thành các chuỗi liên kết sản xuất giúp tăng cường mối quan hệ théo chiều dọc và chiều ngang giữa các đơn vị sản xuất.

Thứ ba, đầu tư của lĩnh vực ngoài quốc doanh, bao gồm cả đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài sẽ là nhân tố chính thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp dệt may.

Thứ tư, đào tạo nguồn nhân lực là một vấn đề quan trọng cần được quan tâm và nên được hoạch định phù hợp với quy hoạch phát triển sản xuất.

Khái quát lên được những nét chính cho ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, cho chúng ta thấy được đặc điểm cũng như vai trò của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may. Trong những năm gần đây do nhu cầu đầu tư quốc tế ngày càng cao, không chỉ những nước phát triển mà ngày cả những quốc gia đang phát triển cũng đã chú trọng hơn nhằm phát triển công nghiệp phụ trợ nói chung. Công nghiệp phụ trợ dệt may là yêu cầu cấp thiết với những nước lấy ngành dệt may làm ngành mũi nhọn cho nền kinh tế, trong đó có Việt Nam, nhằm tăng hiệu quả sản xuất, thu hút nguồn vốn FDI của những quốc gia phát triển, vẫn còn đó những bài học của Trung Quốc, Ấn Độ... Tận dụng được lợi thế về nguồn nhân lực, khí hậu... chọn được đường lối đúng đắn, tin tưởng rằng công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam sẽ thực sự cất cánh, xóa bỏ đi những hạn chế của công nghiệp phụ trợ dệt may, làm nền tảng cho ngành công nghiệp dệt may phát triển.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM

2.1 TỔNG QUAN VỀ NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

2.1.1 Dệt may là ngành mũi nhọn nhưng hiệu quả kinh tế thấp

2.1.1.1 Dệt may là ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam

Hiện nay, có thể nói rằng công nghiệp dệt may Việt Nam là ngành công nghiệp hướng vào xuất khẩu, tuy nhiên ngành may xuất khẩu chủ yếu là thực hiện gia công cho nước ngoài với giá trị gia tăng thấp (khoảng 20%), do vậy số ngoại tệ thực tế thu được là rất khiêm tốn. Bên cạnh đó, với trang thiết bị lạc hậu, chủng loại hàng còn nghèo nàn, hàng sợi, dệt Việt Nam chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Việt Nam mới xuất khẩu được một số loại vải thô, vải bông và vải dệt kim sang Nhật, Canada và EU với kim ngạch không đáng kể. Sản phẩm dệt may xuất khẩu vẫn tỏ ra chưa có sự phát triển thích ứng với đòi hỏi về chất lượng, mẫu mã, chủng loại ngày càng cao của thị trường thế giới. Giá trị nguyên liệu nhập khẩu đóng góp từ 70- 80% giá trị thành phẩm may mặc cuối cùng, cho thấy sản xuất dệt may Việt Nam phụ thuộc quá nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu.

Thị trường cho ngành dệt may: Việt Nam với hơn 83 triệu dân, sức mua như vậy là không hề nhỏ, tuy nhiên sản xuất dệt may mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu trong nước chất lượng còn thấp và mẫu mã chưa phong phú. Trong những năm gần đây chính phủ và các doanh nghiệp dệt may luôn cố gắng không ngừng, có những bước tiến đáng kể để dần chiếm lĩnh thị trường trong nước, nhiều doanh nghiệp may đã có những quyết sách marketing thành công; như Tổng công ty May Việt Tiến với chiến lược Marketing chiếm lĩnh thị trường phía Bắc, Công ty Cổ phần May 10 cũng có

đang nổi danh tiếng tại thị trường phía Bắc. Không chỉ phần nào đóng góp vào tiêu dùng trong nước, dệt may hiện nay còn đóng góp tỷ trọng lớn trong xuất khẩu của Việt Nam, bắt đầu hòa nhập được vào thị trường thế giới, xuất khẩu được sang những thị trường khó tính như: Mỹ, EU, Nhật Bản... Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 57% thị phần xuất khẩu, thị trường EU chiếm 18%, Nhật Bản là 9%. ...[5]

Kim ngạch xuất khẩu: Trước năm 1990 nước ta chủ yếu xuất khẩu ngành hàng dệt may sang thị trường Đông Âu và Liên Xô cũ theo các hiệp định song phương nhưng khối lượng nhỏ, chất lượng hàng không cao. Hoạt động xuất khẩu dệt may mới thực sự mạnh mẽ hơn kể từ năm 1992 trở lại đây, khi chúng ta bắt đầu thực hiện các hiệp định buôn bán hàng dệt may với EU, hàng dệt may tăng lên không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Trong khoảng 10 năm liền hàng dệt may có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đều trên 20%, mỗi năm trung bình chiếm khoảng 15% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, cụ thể:

Bảng 2.1 Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam qua các năm

Đơn vị: tỷ USD

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Kim ngạch xuất khẩu	3,7	4,38	4,8	5,8	7,8	9,1	9,5 <i>(dự Tính)</i>

(Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam)

Vị trí của Việt Nam đang dần được hình thành trong bản đồ dệt may thế giới khi chính thức có mặt trong 10 nhà xuất khẩu lớn nhất của thế giới. Trong nhiều năm Dệt May luôn là ngành có kim ngạch xuất khẩu đứng thứ hai sau mặt hàng dầu thô. Đây là kết quả ngoài mong đợi bởi nó đã đem lại khoản ngoại tệ lớn để đổi mới và nâng cấp toàn bộ trang thiết bị, công nghệ

của ngành dệt may trong giai đoạn hiện nay, tăng tích lũy ngoại tệ và dự trữ cho nền kinh tế.

Lợi ích kinh tế - xã hội: là ngành công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động, đặc biệt lao động đơn giản không cần đào tạo, ngành dệt may đã giúp giải quyết đáng kể nhu cầu công ăn việc làm cho xã hội, nhất là lao động nữ, góp phần ổn định đời sống nhân dân, ngăn chặn các hậu quả do nạn thất nghiệp gây ra. Dệt may là một trong những ngành thu hút nhiều lao động nhất, năm 2008 là khoảng 2 triệu lao động gồm 1 triệu lao động công nghiệp và 1 triệu lao động tiểu thủ công nghiệp; chiếm 4,5 % lực lượng lao động toàn xã hội. Dự kiến đến năm 2015 dệt may sẽ thu hút khoảng 3 triệu lao động. Tận dụng được lợi thế nước ta vốn là nước có truyền thống lao động, người dân cần cù lao động, khéo léo. So với nhiều quốc gia, sinh hoạt ở Việt Nam cũng thấp, giá nhân công rẻ: trung bình giá lao động tại Việt Nam khoảng 0,25 USD/giờ trong khi Thái Lan là 1,18 USD/ giờ và Singapore là 3,16 USD/ giờ, đây cũng là điều kiện quan trọng để hàng dệt may có ưu thế cạnh tranh trên thị trường thế giới. Trong điều kiện hiện nay có nhiều thuận lợi cho việc phát triển ngành dệt may như: vốn đầu tư vào ngành này thấp hơn nhiều ngành khác, quay vòng vốn nhanh. Vị trí địa lý thuận lợi cho xuất nhập khẩu sản phẩm may mặc bằng đường biển, giảm chi phí vận tải tăng cạnh tranh về giá.

2.1.1.2 Dệt may vẫn là ngành mang lại hiệu quả kinh tế thấp

Dù là ngành công nghiệp mũi nhọn của nền kinh tế Việt Nam, nhưng chúng ta vẫn phải thừa nhận thực tế rằng cho đến nay vẫn có rất nhiều yếu kém tồn tại trong ngành dẫn đến tính hiệu quả kinh tế mà ngành dệt may mang lại chưa cao.

Ngành dệt may còn tồn tại nhiều yếu kém, nổi bật là:

Trước hết là lương công nhân trong ngành dệt may tương đối thấp. Dù ngành dệt may xuất khẩu ra thị trường thế giới mỗi năm hàng tỷ USD nhưng lương công nhân trong ngành vẫn rất thấp, chỉ xấp xỉ từ 1- 1,5 triệu VNĐ/

tháng, chưa thuộc nhóm ngành có mức lương khá trong xã hội. Năm 2008 kim ngạch xuất khẩu toàn ngành là 9 tỷ USD nhưng doanh số thực tế thu về cho các doanh nghiệp Việt Nam chỉ khoảng 20% - 30% doanh thu xuất khẩu. Tình trạng khan hiếm lao động tại các doanh nghiệp dệt may là phổ biến, nhất là với những công nhân có tay nghề và thâm niên trong ngành may mặc. Trong bối cảnh tự do hóa về chuyển dịch nguồn lực lao động, rất nhiều công nhân ngành dệt may đi theo hướng xuất khẩu lao động sang nước ngoài, hoặc tham gia vào các hợp tác xã dệt may.

Thứ hai, ngành dệt may Việt Nam quá phụ thuộc vào thị trường Mỹ (chiếm 50-60% kim ngạch xuất khẩu) riêng năm 2008 là 6 tỷ USD. Điều này dẫn tới một rủi ro vô cùng lớn, hiện nay hầu hết các sản phẩm xuất khẩu chỉ bán cho các nhà buôn lớn của Mỹ nhưng chính các nhà buôn này lại không hề chia sẻ một chút rủi ro nào từ các tranh chấp pháp lý liên quan đến hàng dệt may Việt Nam (như trong trường hợp hàng dệt may bị kiện bán phá giá), nên cũng không có nghĩa là từ năm 2009, xuất khẩu hàng dệt may của nước ta sang thị trường Mỹ sẽ không còn gặp bất kỳ một rào cản thương mại nào. Bởi vì:

+ Chương trình giám sát hàng dệt may nhập khẩu từ Việt Nam của Mỹ dưới thời chính quyền của Tổng Thống Bush và nhiệm kỳ Tổng thống sẽ kết thúc vào tháng 1/2009. Do đó, chương trình này không được mở rộng cũng là điều dễ hiểu.

+ Năm 2009, Tổng thống Mỹ mới nhận chức, và chưa chắc chính quyền của Tổng thống mới kế thừa quyết định của Chính quyền Bush. Và Tổng thống mới chắc chắn sẽ thực hiện quyết định của Quốc hội Mỹ – bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong Hiệp hội Dệt Mỹ.

+ Chắc chắn hàng dệt may xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường Mỹ sẽ gặp phải những rào cản thương mại khi chế độ hạn ngạch được dỡ bỏ

vào cuối năm 2008. Điều này sẽ khiến cho hàng dệt may Việt Nam rất dễ rơi vào “tầm ngắm” cùng với hàng Trung Quốc [6].

+ Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cuối năm 2008, ảnh hưởng mạnh mẽ không kém gì so với khủng hoảng kinh tế những năm 30 thế kỷ trước, làm giảm sức mua của nền kinh tế Mỹ, rất khó khăn cho hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này.

Do đó, trong việc ký kết các hợp đồng xuất khẩu sang thị trường Mỹ cho năm 2009, doanh nghiệp nên chủ động đàm phán với các đối tác để nâng giá xuất khẩu, tránh những thiệt hại của giá thấp gây ra. Cùng với đó là hoàn thiện công tác lưu trữ, cũng như việc khai báo hải quan rõ ràng chính xác, tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý trong việc thống kê, phục vụ thông tin định hướng và quản lý nhà nước, giúp các doanh nghiệp hoạt động một cách hiệu quả nhất.

Trong khi đó Việt Nam chưa thực sự chủ động đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và bỏ ngỏ thị trường nội địa. Theo báo cáo của Hiệp hội dệt may Việt Nam (Vitas) thị trường nội địa với hàng may mặc chỉ chiếm 7% tổng mức bán lẻ, khoảng 2 tỷ USD. Thị trường nội địa quá yếu thế và tiềm ẩn rủi ro khi xuất khẩu gặp khó khăn.

Ngành dệt may Việt Nam chưa tận dụng được hết các cơ hội. Ngày 11/1/2007 khi chính thức là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO, đã có rất nhiều ý kiến của những nhà kinh tế hàng đầu dự đoán ngành dệt may Việt Nam sẽ gặp nhiều thuận lợi lớn, sẽ thực sự cất cánh. Nhưng hoàn toàn không dễ dàng như vậy. Chúng ta chưa thực sự khai thác được lợi thế dù đã tự do xâm nhập vào hầu hết các thị trường thế giới, cho thấy khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn quá kém. Dệt may Việt Nam cần học hỏi rất nhiều từ Trung Quốc, nước này gia nhập WTO năm 2002, sự phát triển ngành may mặc nước này như vũ bão đe dọa tới toàn bộ nền sản xuất dệt may của cả những nước phát triển ở Châu Mỹ và Châu Âu.

Theo nhiều chuyên gia trong ngành thì ngành còn tồn đọng nhiều vấn đề như: hầu hết nguyên liệu đều phải nhập khẩu, chưa có thương hiệu xuất khẩu thực sự nổi tiếng trong khu vực và quốc tế, mặc dù sản lượng tiêu thụ khá mạnh, khâu thiết kế mẫu vải và mẫu quần áo rất yếu, thông thường là làm theo mẫu do khách hàng đưa đến; khả năng cạnh tranh kém; đội ngũ cán bộ còn yếu ở những khâu then chốt như dệt, nhuộm phụ thuộc vào chuyên gia nước ngoài nên dễ bị vào tình trạng bị động không tự chủ được... đặc biệt phải kể đến tình trạng gia công xuất khẩu của Việt Nam tỷ lệ gia công chiếm tới hơn 70% kim ngạch xuất khẩu. Ông Lê Quốc Ân – chủ tịch hiệp hội dệt may cho biết hàng dệt may Việt Nam cơ bản chưa thể đứng độc lập trên thị trường thế giới vì hầu như chúng ta chưa có một thương hiệu nổi tiếng nào đẳng cấp. Những doanh nghiệp hàng đầu như May 10; Viettien; May 2; Thăng Long... tuy đã được người tiêu dùng trong nước biết đến nhưng với người tiêu dùng quốc tế còn rất xa lạ. Nguyên nhân chính là chúng ta chưa có đội ngũ thiết kế đủ năng lực, còn yếu kém so với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới.

2.1.2 Cơ hội và thách thức với hàng dệt may Việt Nam khi là thành viên của WTO

Hội nhập kinh tế quốc tế cũng đem đến cho dệt may Việt Nam những cơ hội và thách thức. Bởi vì tình trạng dệt may Việt Nam hướng vào thị trường xuất khẩu vẫn còn tiếp diễn trong thời gian dài nữa, tham gia sân chơi quốc tế sẽ vừa là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn với dệt may nước ta về năng lực cạnh tranh không chỉ thị trường xuất khẩu mà ngay cả thị trường trong nước.

Cơ hội:

Thị trường cho hàng dệt may được mở rộng: chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy là rào cản về xuất khẩu sẽ bị cắt giảm. Mỹ là thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam cũng đã chính thức xóa bỏ hạn ngạch, mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp xâm nhập vào thị trường tiềm năng bậc nhất này.

Những nước trước đây áp dụng mức thuế suất cao với dệt may Việt Nam nay cũng đã giảm đi rất nhiều khi Việt Nam chính thức là thành viên của WTO.

Thu hút nguồn vốn FDI và chuyển giao công nghệ: Cơ chế thông thoáng hơn sẽ là môi trường lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Bởi nước ta có lợi thế về chi phí sản xuất thấp, giá nhân công rẻ, đầu tư vào ngành dệt may hoàn toàn phù hợp với xu thế chuyển dịch từ các nước công nghiệp sang những nước đang phát triển như Việt Nam. Việt Nam có thể chuyển giao những thiết bị đang sử dụng sang những nước châu Phi để đón nhận sự chuyển giao máy móc hiện đại, tiên tiến từ những nước phát triển.

Khó khăn:

Trước đây, rất nhiều doanh nghiệp dệt may được nhà nước hỗ trợ xuất khẩu bằng nhiều biện pháp khác nhau như: hỗ trợ lãi suất cho vay, thưởng xuất khẩu... nhưng nay khi tham gia vào sân chơi quốc tế những ưu đãi này đã bị xóa bỏ theo những quy ước chung. Tham gia WTO sẽ tác động trực tiếp tới ý thức của những nhà quản lý, các chủ doanh nghiệp. Thành công hay thất bại của ngành dệt may hoàn toàn được bàn giao lại cho các doanh nghiệp, bắt buộc các doanh nghiệp phải tìm ra hướng đi mới cho mình, thói ỷ lại vào hỗ trợ, bảo hộ của nhà nước sẽ không thể tồn tại được nữa. Đây cũng có thể là một thuận lợi nếu như chúng ta có tầm nhìn dài, bởi muốn đứng vững trên thị trường dệt may thế giới, không có cách nào khác là phải sử dụng chính nội lực, phát huy chính sức mạnh dân tộc mình.

Nhiều cơ hội nhưng cũng là thách thức thực sự với hàng dệt may Việt Nam khi tham gia vào sân chơi quốc tế. So sánh với mặt hàng khác chúng ta có thời gian chuẩn bị trong nhiều năm thì riêng với trường hợp của ngành dệt may, khi đặt bút ký vào bản hiệp ước gia nhập WTO thì ngay lập tức chúng ta phải tuân thủ mọi quy định với hàng dệt may, cụ thể là ngay lập tức xóa bỏ trợ cấp, thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu cũng giảm. Tuy có nhiều lợi thế nhưng nếu so sánh với người khổng lồ Trung Quốc và Ấn Độ thì những lợi thế của

chúng ta không là gì cả. Thực tế diễn ra cho thấy khi không còn hạn ngạch hàng dệt may của hai nước này đang chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường thế giới, loại bỏ dần những đối thủ như Việt Nam. Cụ thể có thể điểm ra một vài thị trường lớn của chúng ta như Mỹ, EU, Nhật Bản. Tại Nhật, một nước phi hạn ngạch và là một thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, kể từ năm 2002 khi gia nhập WTO Trung Quốc đã chiếm 80% thị trường quần áo và trên 50% thị trường vải sợi đạt mức tăng trưởng trên 70% trong 10 năm. Tại Mỹ và EU, ngay sau khi một số hạn ngạch được dỡ bỏ thì nhập khẩu từ Trung Quốc tăng bình quân trên 100% trong khi xuất khẩu của chúng ta cũng tại thời điểm đó vào EU giảm xuống còn 71% [7]. Theo dự đoán của rất nhiều chuyên gia kinh tế cũng như Ngân Hàng Thế Giới, thị phần của Trung Quốc sẽ chiếm tới trên 50% thị trường thế giới trong vài năm tới đây. Tác động này sẽ dẫn đến việc Việt Nam sẽ dần đánh mất đi những thị trường lớn của mình nếu không có sự thay đổi tích cực. Ví dụ như thị trường Mỹ, dù xóa bỏ hạn ngạch nhưng việc áp dụng chế độ theo dõi đặc biệt với hàng dệt may Việt Nam và biện Pháp chống bán phá giá của chính phủ Mỹ sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến các nhà nhập khẩu Mỹ.

Mặt khác khi tham gia vào sân chơi quốc tế, Việt Nam sẽ phải chịu nhiều sự điều chỉnh và quy định khắt khe, phải xóa bỏ những trợ cấp đầu tư, xóa bỏ dần các khuyến khích về miễn giảm thuế thu nhập... sẽ là thách thức không nhỏ không chỉ với toàn ngành dệt may Việt Nam và hệ thống pháp luật nhà nước.

Qua phân tích trên, thì hẳn cơ hội với dệt may Việt Nam là nhiều nhưng thách thức mà nó đem lại còn lớn hơn rất nhiều. Để tạo ra nền tảng phát triển bền vững, chúng ta cần có những định hướng lâu dài, tập trung vào khâu thiết kế, sản xuất nguyên phụ liệu, tập trung đa dạng hóa thị trường. Xác định phát triển hàng dệt may trên cơ sở nội lực của chính dân tộc mình.

2.2 NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM

2.2.1 Tình hình hoạt động và thực trạng của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam

Tình hình hoạt động:

Hội thảo quốc gia lần thứ nhất về "Chương trình hành động về phát triển công nghiệp phụ trợ của Việt Nam" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tổ chức đã diễn ra ngày 5/9/2008 tại Hà Nội. Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI cho biết, Hội thảo được tổ chức nhằm trao đổi và kiến nghị với đại diện các cơ quan Nhà nước về nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp về hiệu quả Quy hoạch phát triển công nghiệp phụ trợ đã được Chính phủ phê duyệt từ 2007.

Phát biểu tại đây, Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng nhấn mạnh, phát triển công nghiệp phụ trợ phải được tiến hành chọn lọc, dựa trên tiềm năng, thế mạnh của Việt Nam và phân công lao động quốc tế. Ban đầu, công nghiệp phụ trợ có thể gắn liền với mục tiêu nội địa hoá các sản phẩm công nghiệp chủ lực, sau phấn đấu trở thành một bộ phận trong dây chuyền sản xuất quốc tế của các công ty và tập đoàn đa quốc gia [8].

Công nghiệp phụ trợ là động lực của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và là nền tảng cho việc phát triển bền vững các ngành công nghiệp chủ lực của Việt Nam trong giai đoạn đến 2020. Do đó, công nghiệp phụ trợ cần được phát triển theo hướng phát huy tối đa năng lực đầu tư của các thành phần kinh tế, đặc biệt là của các đối tác chiến lược - các công ty, tập đoàn đa quốc gia. Phát triển công nghiệp phụ trợ phải phù hợp với những xu thế, đặc thù riêng của từng chuyên ngành công nghiệp và từng đối tác chiến lược.

Trong điều kiện lộ trình mở cửa hoàn toàn thị trường trong nước đang đến gần, nếu không xây dựng được công nghiệp phụ trợ dệt may tương ứng, đủ sức cạnh tranh quốc tế và có sức hấp dẫn các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài thì các nhà đầu tư nước ngoài sẽ chuyển sang đầu tư thương mại vào thị

trường Việt Nam hơn là đầu tư vào sản xuất. Việc đóng cửa cơ sở sản xuất của SONY tại Việt Nam trong thời gian vừa qua là một minh chứng cho vấn đề này.

Trình độ khoa học công nghệ, máy móc: Có thể nói trang thiết bị máy móc cơ khí của chúng ta còn quá yếu kém, chủ yếu vẫn phải nhập khẩu từ những nước có trình độ công nghệ cao từ Đức, Ý, Nhật Bản, nhiều nhất vẫn là Trung Quốc. Nếu so sánh Tổng công ty Dệt May Việt Nam (Vinatex) với toàn ngành Dệt May cả nước, thì năng lực kéo sợi chiếm 67% (đạt 111.0000tấn/170.000 tấn); chế biến bông chiếm 85% (đạt 12.800 tấn/15.000tấn). Điều này khẳng định Vinatex là đơn vị chủ đạo và là doanh nghiệp lớn nhất trong ngành Dệt May cả nước. Tuy nhiên, để phát triển công nghiệp phụ trợ trong lĩnh vực này, còn nhiều vấn đề cần được tháo gỡ.

Hiện nay, bên cạnh các xưởng cơ khí của các công ty dệt thuộc Vinatex làm nhiệm vụ sửa chữa, thay thế phụ tùng, cơ kiện thì còn có 4 công ty cơ khí chuyên ngành sản xuất các phụ tùng, cơ kiện và trang thiết bị phục vụ cho ngành Dệt May như: Công ty cổ phần cơ khí may Gia Lâm, công ty cổ phần cơ khí Nam Định, công ty cổ phần cơ khí Hưng Yên và công ty cổ phần cơ khí Thủ Đức. Trong thời gian qua, các đơn này tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng do năng lực còn hạn chế, thiết bị lại lạc hậu nên không đáp ứng kịp yêu cầu phát triển rất nhanh của các doanh nghiệp dệt may. Cả 4 công ty cơ khí này trị giá sản xuất mỗi năm chỉ vào khoảng 9 triệu USD, tương đương gần 4.000 tấn phụ tùng, chủ yếu là phụ tùng, trang thiết bị nhỏ lẻ như: máy trải vải, máy kiểm tra vải, máy hút hơi là, máy san chỉ, máy hút chỉ, máy dập cúc, máy cắt vải, hệ thống chiếu sáng, hệ thống làm mát và một số phụ tùng như tủ đựng hồ sơ, ghế ngồi may, kệ để nguyên liệu, xe vận chuyển nội bộ... phục vụ ngành may là chính, mà cũng mới chỉ đáp ứng được một phần [9]. Còn phụ tùng, cơ kiện cho ngành dệt, các doanh nghiệp chủ yếu vẫn phải nhập từ nước ngoài từ 70- 80%.

Hầu hết các xưởng cơ khí nằm trong các công ty dệt đến nay đều không phát huy được hiệu quả, do không đáp ứng được yêu cầu khắt khe về chất lượng, giá cả và thời gian giao hàng của các doanh nghiệp dệt. Vì vậy, các xưởng cơ khí này thường phải gia công cho các doanh nghiệp ngoài ngành, trong khi các công ty dệt lại phải nhập khẩu những phụ tùng, cơ kiện từ nước ngoài tới 80%, trị giá hàng chục triệu USD mỗi năm. Trong thời gian qua có một số nhà máy như công ty cổ phần phụ liệu may Nha Trang, công ty may Việt Tiến, công ty dệt vải công nghiệp và các công ty tư nhân đã sản xuất được nhiều loại phụ kiện như khóa kéo, tấm lót, cúc chi... nhưng sản lượng còn thấp chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu của ngành. Hiện nay, cũng có các cửa hàng buôn bán hàng phụ kiện may, nhưng chỉ buôn bán với số lượng nhỏ lẻ, chủ yếu bán cho các hiệu may nhỏ, phần lớn nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan, chất lượng cũng tương đối thấp.

Bảng 2.2 Năng lực sản xuất một số sản phẩm phụ kiện may của Việt Nam

Mặt hàng	Công suất thiết kế	Thực hiện
Chỉ khâu	3500 tấn/năm	3500 tấn/năm
Bông tấm	33 triệu Yard/năm	33 triệu Yard/năm
Méch nhựa	12 triệu m ² /năm	10 triệu m ² /năm
Cúc nhựa	752 triệu chiếc/năm	650 triệu chiếc/năm
Khóa kéo	65 triệu chiếc/năm	60 triệu chiếc/năm
Nhãn	120 triệu chiếc/năm	100 triệu chiếc/năm

(Nguồn: Quy hoạch phát triển dệt may Việt Nam 2015-2020)

Các loại phụ kiện, phụ liệu may đòi hỏi tính chuyên môn hóa rất cao nhưng hiện nay, số lượng các công ty tham gia sản xuất rất ít, vì gặp trở ngại về vốn và công nghệ cùng với đó là quy mô của các doanh nghiệp này còn nhỏ chưa thể cạnh tranh được về giá thành sản phẩm.

Hoạt động đầu tư sản xuất:

Xuất phát từ những phân tích, đánh giá về thực trạng của ngành Dệt, May Việt Nam, ngày 10/03/2008 Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 36 phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt, may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 nhằm phát triển ngành theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hoá, tạo ra bước nhảy vọt về giá trị gia tăng của sản phẩm thông qua việc thực hiện ba chương trình (trồng bông, dệt vải chất lượng cao và đào tạo nguồn nhân lực) có tính quyết định đến sự phát triển bền vững, ổn định lâu dài của ngành Dệt-May Việt Nam.

Trong quyết định phê duyệt chiến lược này, Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng và phê duyệt chương trình sản xuất vải phục vụ may xuất khẩu, chương trình phát triển cây bông và chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành dệt may Việt Nam. Tập đoàn Dệt-May Việt Nam - doanh nghiệp lớn nhất của ngành Dệt-May Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức, tham gia thực hiện ba chương trình này. Trên tinh thần đó, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam đang khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Về chương trình phát triển bông vải, theo mục tiêu và chiến lược phát triển từ nay đến năm 2015 là phục hồi diện tích bông nước trời và phát triển diện tích bông có tưới hướng tới sản lượng khoảng 40 ngàn tấn bông xơ và tới 2020 đưa sản lượng lên tới 60 ngàn tấn. Thực tế phát triển cây bông phân tán (HTX, hộ gia đình) trong những năm qua bộc lộ nhiều bất cập, diện tích, sản lượng bấp bênh, chưa làm được việc phân loại phẩm cấp bông khi thu hoạch do ảnh hưởng của thời tiết, phương thức canh tác, giá bông thế giới .v.v. Chính vì vậy mà trong chương trình phát triển cây bông lần này Tập đoàn Dệt-May Việt Nam đề xuất phương án ưu tiên sản xuất bông tập trung có tưới, có điều kiện áp dụng các giống và qui trình sản xuất mới nhằm tăng năng suất để ổn định chất lượng và sản lượng bông hàng năm cho ngành dệt

Việt Nam. Kế hoạch phát triển bông tập trung có tưới dự kiến tại các tỉnh duyên hải miền trung (Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi) và một phần ở Tây Nguyên (Gia Lai, Đak Lak, Dak Nông). Để có diện tích trồng bông có tưới là 40.000 ha vào năm 2015 cần có tổng vốn đầu tư khoảng 3.500 tỷ đồng cho đền bù đất, hệ thống thuỷ lợi, sản xuất giống...

Cùng với việc phát triển xơ sợi tự nhiên thì Tập đoàn Dệt-May Việt Nam cùng Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã thành lập Công ty CP hoá dầu và xơ sợi tổng hợp để xây dựng nhà máy sản xuất xơ polyeste đầu tiên của Việt Nam tại khu công nghiệp Đình Vũ Hải phòng với công suất sản xuất là 400 tấn xơ thông thường, 50 tấn xơ đặc biệt và 50 tấn hạt chip/ ngày dự kiến năm 2011 đi vào sản xuất và đến năm 2020 đáp ứng 40% nhu cầu trong nước về xơ sợi tổng hợp với tổng mức đầu tư khoảng 3000 tỷ đồng.

Với việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam đang khẩn trương triển khai xây dựng hai Trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ chí Minh để cung ứng đủ và kịp thời nguyên phụ liệu cho mọi khách hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Về mục tiêu sản xuất vải phục vụ may xuất khẩu thì ưu tiên vào sản xuất vải dệt thoi. Trong sản xuất vải dệt thoi thì nhuộm, hoàn tất đóng vai trò quan trọng trong việc làm ra vải đạt chất lượng theo yêu cầu thị trường. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 phải tăng thêm 500 triệu m² và đến năm 2015 là 1 tỷ m². Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng cho đến nay nhuộm, hoàn tất vẫn là khâu yếu nhất của các doanh nghiệp dệt Việt Nam. Việc củng cố và phát triển khâu in nhuộm, hoàn tất, nhất là cho vải dệt thoi là một vấn đề khó (vốn lớn và trình độ kỹ thuật cao) chưa kể tới vấn đề gây ô nhiễm môi trường. Đây là những lý do mà doanh nghiệp thì ngại đầu tư và nhiều địa phương ít quan tâm các dự án có in nhuộm.

Do đó, để đẩy mạnh các dự án đầu tư dệt, nhuộm, trước hết phải tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm xử lý nước thải trong các khu công nghiệp hiện có tại Hoà Xá (Nam Định), Hoà Khánh (Đà Nẵng), Bến Lức (Long An), Bình An (Đồng Nai) và các trung tâm mới tại Thái Bình, Quảng Nam. Đây là điều kiện rất quan trọng để kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước lên tới 940 triệu USD giai đoạn 2006-2010 và 1,765 tỷ USD cho giai đoạn 2011-2015 cho các dự án dệt, nhuộm qui mô lớn .

Tập đoàn Dệt May Việt Nam làm hạt nhân liên kết triển khai 05 dự án dệt nhuộm trọng điểm giai đoạn 2007 – 2012, [10].

- Dự án nhà máy nhuộm Teachang - Vina tại Yên Mỹ (liên doanh của Vinatex với Công ty Thiên Nam và Teachang Hàn Quốc) có năng lực nhuộm sau đầu tư đạt 42 triệu m²/năm và đạt 63 triệu m²/năm vào năm 2009;

- Dự án liên doanh của Vinatex với Công ty Thiên Nam và Teachang (Hàn Quốc) sản xuất vải Denim tại Hoà Xá (Nam Định) có năng lực nhuộm sau đầu tư đạt 45 triệu m²/năm;

- Dự án di dời và nâng cấp nhà máy nhuộm Công ty cổ phần Dệt Nam Định sản xuất vải áo và vải quần từ vải bông và bông pha có năng lực 42 triệu m²/năm vào năm 2010;

- Dự án liên doanh với Tập đoàn ITG (Hoa Kỳ) sản xuất vải quần tại Sơn Trà có năng lực dệt nhuộm sau đầu tư đạt 38 triệu m²/năm và đạt 76 triệu m²/năm vào năm 2010;

- Dự án nhà máy nhuộm Bình An trên cơ sở nâng cấp nhà máy nhuộm Việt Thắng và hợp tác với Tập đoàn Tencate (Hà Lan) có năng lực nhuộm sau đầu tư đạt công suất 37,5 triệu m²/năm và đạt công suất 45 triệu m²/năm vào năm 2010.

Ngoài ra Tập Đoàn Dệt May Việt Nam làm hạt nhân triển khai các dự án hỗ trợ cho sản xuất vải dệt thoi:

- Dự án thành lập Trường Đại học Dệt May và Thời trang tại Thuận Thành - Bắc Ninh theo hình thức liên doanh hoặc cổ phần;
- Dự án đầu tư phòng thí nghiệm sinh thái dệt may và trung tâm thiết kế vải từ nguồn vốn ODA và ngân sách nhà nước;
- Dự án xây dựng 02 Trung tâm nguyên phụ liệu tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Một số ngành phụ trợ dệt may cụ thể:

Thực trạng của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam trong thời gian qua được các chuyên gia, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đánh giá là vẫn đang ở mức độ thấp. Hầu hết các ngành công nghiệp lớn ở Việt Nam đều phải nhập khẩu nguyên liệu, phụ kiện ở nước ngoài để sản xuất. Ngành dệt may hàng năm xuất khẩu mang về cho đất nước hàng tỷ USD nhưng phần lớn số ngoại tệ đó được sử dụng để nhập khẩu nguyên liệu, phụ kiện phục vụ cho sản xuất của ngành.

Ngành sản xuất bông:

Sự phụ thuộc quá lớn vào nguồn nguyên liệu bông nhập khẩu đã ảnh hưởng trực tiếp đến ngành dệt may Việt Nam - một trong những ngành hàng XK được kỳ vọng dẫn đầu trong năm 2008

Bảng 2.3 Tình hình sản xuất và nhập khẩu bông của Việt Nam

Đơn vị : nghìn tấn

Chỉ tiêu	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Sản lượng bông	12	9,3	10	11,7	10	9
Nhập khẩu bông	92	138	46	159	230	300
Tỷ lệ nhập khẩu so với nhu cầu tiêu thụ(%)	88,5	93,7	93,6	93,1	95	97

(Nguồn Tổng cục thống kê)

Do sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam, hàng năm nước ta đều phải NK một lượng bông rất lớn để đáp ứng nhu cầu, do đó phát triển các vùng trồng bông là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ. Kế hoạch 2001 - 2010, dự kiến chúng ta trồng 150.000 ha bông để làm ra 80.000 tấn bông xơ, đáp ứng 50% nhu cầu công nghiệp dệt may trong nước. Tuy nhiên, tham vọng này đã không đạt được khi diện tích bông không tăng như mong muốn, ngược lại liên tục bị giảm. Đỉnh cao nhất là vụ bông 2002-2003 đạt 32.000 ha (tương đương 12.000 tấn bông xơ), sau đó cây bông liên tục bị cây trồng khác chiếm chỗ. Dự kiến 2007- 2008, cả nước chỉ còn khoảng 6.000 ha bông với sản lượng bông xơ khoảng 2.600 tấn. Trong khi nhu cầu bông xơ cho ngành dệt may tăng nhanh lên đến trên 200.000 tấn/năm, như vậy sản lượng bông sản xuất trong nước chỉ đạt 2 % nhu cầu. Bên cạnh việc chịu ảnh hưởng của thời tiết bất thường, nguyên nhân diện tích bông suy giảm nhanh là lý do kinh tế. Năng suất bông hạt ở Việt Nam thấp, chỉ 1-2 tấn/ha (tùy bông nhờ nước trời hay tưới), giá thu mua tăng rất chậm. Năm 2001 giá bông hạt là 5.500 đồng/kg, mãi đến năm 2005 giá mới nhích lên 6.000 đồng/kg và đến vụ bông 2007 - 2008 mới điều chỉnh lên 7.000 đồng/kg. Năng suất và giá thu mua quá thấp, cây bông dường như không cạnh tranh được với cây trồng khác. Trên thực tế, Công ty Bông Việt Nam (VCC) trực thuộc Tập đoàn Dệt may (VINATEX)- đơn vị được giao triển khai dự án này - không khó khăn gì để nhận ra bất cập đó. Năm 2004, VCC đã đề nghị Chính phủ xem xét lại một phần kế hoạch phát triển bông, cụ thể: bỏ sản xuất bông ở ĐBSCL - là nơi cây bông không thể có “chỗ đứng”, đồng thời rút kế hoạch phát triển bông đến năm 2010 xuống còn 50.000 ha để làm ra 36.000 tấn bông xơ. Tuy nhiên, với sản lượng quá thấp vụ bông 2007- 2008 vừa qua, chúng ta có thể khẳng định sự điều chỉnh vẫn là mục tiêu quá xa vời vì những lợi thế so sánh với các nhóm nông sản khác, mà bất lợi thuộc về cây bông. Sự phụ thuộc quá nhiều vào bông xơ nhập khẩu, trong khi tốc độ xuất khẩu may mặc tăng

nhanh (năm 2007, Việt Nam xếp vị trí thứ 12 về xuất khẩu sản phẩm may mặc trên thế giới), buộc Việt Nam phải chú trọng đầu tư mạnh vào ngành dệt nên khâu kéo sợi hiện là mắt xích yếu nhất trong ngành. Năm 2006, nhu cầu của ngành dệt may trong nước cần khoảng 200.000 tấn bông xơ, trong đó có tới 95% là nhập khẩu. Ngành dệt và sợi được bảo hộ mạnh tại thị trường trong nước bằng thuế nhập khẩu với mức thuế suất 40% (thuế suất 20% nếu nhập khẩu từ ASEAN).

Việc bảo hộ này đã tạo thuận lợi cho phát triển của ngành sợi Việt Nam và các nước đầu tư sợi dệt xuất khẩu ở Việt Nam (chủ yếu là các DN Đài Loan). Trong khi ngược lại, nhập khẩu bông xơ được tự do và không phải chịu thuế suất hoặc bất kỳ một quy định thương mại nào tác động. Rõ ràng bông sản xuất trong nước đang phải gánh chịu nhiều sức ép. Sự cạnh tranh càng gay gắt hơn khi giờ đây Việt Nam đã gia nhập WTO, trong đó nông sản là một trong những lĩnh vực mà Việt Nam phải mở cửa mạnh cho hàng hóa của các nước khác.

Theo các chuyên gia phân tích, ngành bông Việt Nam đáp ứng rất thấp so với nhu cầu thị trường. Tỷ lệ thay thế nhập khẩu từ khoảng 11% năm 2003 xuống còn dưới 2% vào năm 2008 (số liệu đã tính đến sự thất bại của sản xuất dự kiến trong vụ bông 2007- 2008). Giá bông từ các nước sản xuất ở châu Phi đến cảng Việt Nam nằm giữa 0,15 và 0,20 USD/kg xơ [11]. Với mức giá này người trồng bông trong nước có được lợi thế so sánh nhưng lại không đủ để bù lại năng suất và giá bán sản phẩm của các loại cây trồng khác cạnh tranh với cây bông Việt Nam.

Nhìn ở một góc độ nào đó, cây bông hiện chỉ còn đứng được ở một số nơi như: Ninh Thuận, Bình Thuận, Tây Nguyên, một phần Đông Nam bộ và miền núi phía Bắc. Trên đất này, năng suất bông cao nhất chỉ đạt 1.000 - 1.200 kg/ha. Cũng có thể phát triển thêm một phần diện tích bông ở những

vùng đất tốt, có tưới. Nếu đảm bảo được về yếu tố giống, quy trình kỹ thuật tốt, năng suất bông có tưới có thể đạt trên 3 tấn/ha, đảm bảo cạnh tranh được.

Nhưng xét trên thực tế, sản xuất bông chỉ đáp ứng được trên 1% nhu cầu thì coi như ngành sản xuất này không còn có vai trò kinh tế. Dự báo trong những năm tới, nếu không có biện pháp điều chỉnh giá thu mua bông nguyên liệu, ngành sản xuất bông trong nước có thể bị “biến mất” ngay từ vụ 2008-2009. Theo tổng điều tra ngành bông Việt Nam mới đây, phỏng vấn nông dân vùng quy hoạch trồng bông cho thấy, hầu như tất cả các hộ trung bình khá trở lên đều không còn nghĩ đến cây bông nữa, chỉ còn một số hộ nghèo, hộ vùng sâu vùng xa họ trồng bông chỉ với mục đích nhận hỗ trợ phân bón từ phía công ty. Trớ trêu những hộ này nhận phân bón không phải để bón cho bông mà bón cho... cây bắp (?). Các chuyên gia của VCC nhìn nhận, trước hết chỉ bằng biện pháp giá mới duy trì tồn tại ngành bông, cụ thể ngay vụ bông tới mức giá thu mua phải tăng lên 8.500 đồng/kg bông hạt thì mới hy vọng giữ được diện tích bông như năm nay, còn muốn phát triển diện tích giá bông phải được nâng trên 10.000 đồng/kg - đó là mức giá rất khó xảy ra, nếu không có những tác động đột xuất của ngành bông hoặc cao hơn là Chính phủ. Tiếc cho những cố gắng của ngành này, khi thời gian gần đây đã đưa được một số giống bông lai tương đối chất lượng, kỹ thuật thâm canh ngày một hoàn thiện để cùng với giống tạo ra nhiều mô hình trồng bông đạt trên dưới 3 tấn/ ha.

Từ việc ghi nhận hiện tại dễ dẫn đến sự sụp đổ của ngành sản xuất bông Việt Nam, có thể đưa ra 2 phương án có thể xảy ra, nhằm mục đích giúp các nhà chính sách có được một quyết định đúng đắn. Thứ nhất - theo xu hướng “tự do hóa”: ngành bông Việt Nam sẽ thiếu yếu tố trợ cấp cho sản xuất và không còn sự bảo hộ trong nước; giá bông của nông dân chấp nhận cạnh tranh với giá sản phẩm cây trồng khác trên cùng diện tích; cạnh tranh với giá và chất lượng bông xơ nhập khẩu... Nếu đi theo phương án này, ngành sản xuất bông Việt Nam gần như biến mất vào niên vụ tới 2008- 2009. Kịch bản thứ

hai - phục hồi ngành sản xuất bông: cần nhất cho phương án này là quyết định chính sách và chiến lược của Chính phủ và Bộ Công Thương, trong đó mục tiêu chính sẽ là tạo ra một hành lang an toàn trong việc cung cấp nguyên liệu bông xơ cho ngành dệt Việt Nam trong trường hợp thị trường bông thế giới có biến động bất thường. Điểm thuận lợi nữa là có sự ủng hộ mạnh của các công ty cổ phần bông trong nước với những cam kết cụ thể. Các yếu tố trợ cấp hàng năm cho người trồng bông được thông qua việc: bảo hiểm giá mua bông hạt; giá thành dự kiến cho 1 ha bông xơ, nhất là theo khối lượng dự kiến và tỷ lệ xơ; giá bán xơ dự kiến theo giá thị trường thế giới.

Theo tính toán, số tiền trợ cấp cho sản xuất bông sẽ dưới 1/1.000 giá trị xuất khẩu hiện nay của ngành dệt may. Một kiến nghị khác, có ảnh hưởng đến việc khôi phục nhanh trở lại ngành sản xuất bông trong nước đó là Chính phủ cần xây dựng một mức thuế hải quan cho việc nhập khẩu bông xơ. Quỹ hình thành từ thuế này sẽ không sử dụng vào sản xuất bông và toàn bộ sẽ chuyển vào ngân sách Nhà nước (hầu hết các nước tiêu thụ bông lớn hiện nay đều hỗ trợ ngành sản xuất trong nước hoặc bằng hệ thống trợ cấp hoặc bằng bảo hộ thị trường xơ trong nước). Với phương án thứ hai, cùng với một loạt các giải pháp hỗ trợ khác, giá bông xơ nội địa sẽ được xây dựng ở mức đủ để đảm bảo giá bông hạt hấp dẫn cho nông dân Việt Nam, không làm ảnh hưởng đến giá thành sợi trong nước.

VINATEX hiện là đơn vị được Bộ Công Thương giao nhiệm vụ lập quy hoạch mới phát triển ngành bông trong nước. Các kế hoạch phát triển trước đây rất tham vọng và mang tính chất hành chính không thực hiện được trên thực tế vì đã định ra các mục tiêu cụ thể mà không xem xét đến hiệu quả quá thấp của cây bông so với các cây trồng cạnh tranh khác. Hy vọng với các số liệu có được trong quá trình nghiên cứu và những kiến nghị được rút ra từ thực tế sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách có được quyết định đúng cho vị trí cây bông ở Việt Nam. VCC đang trình Bộ Công Thương xem xét kế

hoạch mới với mục tiêu đạt 40.000 ha bông vào năm 2010 và 63.000 ha bông vào năm 2015 - thể hiện sự phục hồi lớn so với tình trạng hiện nay.

Nuôi trồng dâu – tơ tằm, kéo sợi

Trồng dâu nuôi tằm là nghề truyền thống của Việt Nam, gắn liền với lịch sử văn hóa, rất nhiều làng nghề truyền thống gắn liền với hoạt động trồng dâu, nuôi tằm, xe sợi nằm ở các tỉnh trước đây như: Hà Tây, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Quảng Nam... Trong những năm gần đây hoạt động trồng dâu nuôi tằm của Việt Nam đã giảm sút mạnh, không tương xứng với tiềm năng, truyền thống cũng như cơ sở vốn có của mình. Theo Tổng công ty dâu tơ tằm Việt Nam, thì nước ta có khoảng 250000 ha trồng dâu tằm, chỉ sau Trung Quốc, nhưng nay chỉ còn 18000-20000 ha trồng dâu tằm và năng suất trồng dâu, năng suất kén tằm chỉ bằng 20% so với Trung Quốc. Trung Quốc chỉ cần 7kg kén tằm cho ra 1kg tơ thì Việt Nam phải cần tới 10kg kén [12]. Chưa kể đến chất lượng tơ của Việt Nam không bền và rất khó nhuộm, thấp hơn chất lượng sợi tơ của Trung Quốc rất nhiều, chất lượng tơ được xếp theo hạng từ A đến E, thông thường chỉ tơ loại A mới có thể xuất khẩu, hiện nay sản lượng tơ loại này của Việt Nam chỉ đạt khoảng 250 tấn/ năm, chiếm khoảng 20% tổng sản lượng tơ nguyên liệu. Chất lượng thấp như vậy một phần là do tơ của Việt Nam chủ yếu sản xuất theo phương pháp truyền thống, thủ công từ khâu trồng dâu đến kéo kén xe tơ.

Hoạt động trồng dâu nuôi tằm phục vụ ngành kéo sợi – ngành được coi là sản xuất đầu nguồn trong công nghiệp sản xuất dệt may, chủ yếu đòi hỏi đầu tư máy móc công nghệ, yếu tố lao động chỉ là thứ yếu. Vì vậy, trình độ thiết bị công nghệ sử dụng trong hoạt động kéo sợi là rất quan trọng và phản ánh được mức độ phát triển của toàn ngành công nghiệp dệt may quốc gia. Ngành công nghiệp kéo sợi Việt Nam hình thành rất sớm vào cuối thế kỷ 19, khi người Pháp xây dựng nhà máy sợi đầu tiên tại Nam Định năm 1987. Tuy nhiên, mặc dù có lịch sử lâu dài như vậy nhưng ngành công nghiệp kéo sợi

Việt Nam do ảnh hưởng của chiến tranh và một thời gian dài đóng cửa kinh tế sau khi đất nước thống nhất nên phát triển rất chậm và lạc hậu. Các giai đoạn phát triển của công nghiệp kéo sợi có thể chia thành 2 giai đoạn: trước 1995 và từ 1996 đến nay.

Trước năm 1995, toàn Tổng công ty dệt may Việt Nam có 147966 cọc sợi và 2000 roto kéo sợi không cọc tại 13 công ty có nhà máy kéo sợi. Trong tổng số máy nêu trên, chỉ có 39.000, chiếm 5,2%, được đầu tư thay mới trong giai đoạn 1991-1995, còn lại là các máy cũ từ trước những năm 1980 (khoảng 75%) hoặc máy được cải tạo nâng cấp và thay thế bằng máy đã qua sử dụng từ Tây Âu (25%) [13]. Công suất của toàn Tổng công ty đến năm 1995 là khoảng 53.225 tấn sợi/năm với chỉ số bình quân $Ne = 36$ (mức trung bình khá). Nhìn chung, trong giai đoạn này, thiết bị cũ và lạc hậu chiếm tỷ lệ đáng kể. Tuy nhiên so với những năm 1980, giai đoạn 1991-1995 đã có những tiến bộ nhất định. Trước năm 1991, sợi sản xuất chủ yếu là sợi chải thô với chỉ số thấp và chất lượng đạt mức trung bình thấp của thế giới. chủng loại sản phẩm cũng không đa dạng do sự yếu kém về máy móc. Số lượng sợi chải kỹ chỉ chiếm khoảng 3% sản lượng, các loại sợi pha chỉ có một hai loại và chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản lượng, khoảng gần 2%. Sau 1991, chủng loại sản phẩm sợi đã trở nên đa dạng hơn với tỷ trọng sợi chải kỹ chất lượng cao và các loại sợi pha tăng cao. Trong thời gian này, Việt Nam đã kéo được sợi 100% Polyester, sợi pha bông/ visco, sợi bông/ Acrylic, len/ Acrylic...

Từ năm 1996 đến nay, thiết bị kéo sợi được đầu tư bao gồm nhiều thế hệ đa dạng, tự nhiều nước Tây Âu, châu Á nhập vào, ở trình độ công nghệ thập kỷ 80-90. Thiết bị được nhập dưới dạng máy móc kéo sợi nhập lẻ, nhập đồng bộ mới, nhập đồng bộ dây chuyền đã qua sử dụng. việc nhập thiết bị kéo sợi mới đã đi theo hướng tiên tiến hiện đại của các nước Nhật Bản, Thụy Sĩ, Cộng hòa Liên Bang Đức, Italia. Ngoài các dây chuyền đồng bộ mới là các dây chuyền đã qua sử dụng của Tây Âu, chủ yếu của Italia. Bên cạnh đó, các

công ty sợi thuộc Tổng Công ty Dệt may đã đầu tư trang bị bổ sung cục bộ và nâng cấp, bao gồm cả máy mới và máy đã qua sử dụng, chủ yếu là các máy hiện đại có trình độ công nghệ của thập kỷ 90. Hầu hết, các công ty đã cố gắng đầu tư để cải tạo nâng cấp thiết bị để đáp ứng yêu cầu về nâng cao và ổn định chất lượng sợi. Một điểm chuyển biến tích cực khác trong giai đoạn này là sự tham gia đầu tư và sản xuất sợi thành phần tư nhân. Nếu như trước đây, hầu như chỉ có các doanh nghiệp quốc doanh và các nhà đầu tư nước ngoài (Đài Loan và Hàn Quốc) sản xuất sợi thì trong thời kỳ này các công ty tư nhân đã bắt đầu đầu tư vào lĩnh vực sợi. Khối tư nhân đã mạnh dạn đầu tư các dây chuyền công nghệ đồng bộ thuộc thế hệ công nghệ khá hiện đại từ các nước tư bản tiên tiến như Đức, Thụy Sĩ, Italia, và Nhật Bản giúp nâng cao mặt bằng trình độ sản xuất sợi của Việt Nam.

Ngành dệt, nhuộm và hoàn tất vải

Hàng năm lượng vải chúng ta nhập là rất lớn tới hơn 75%, năng lực sản xuất vải trong nước chỉ đáp ứng được 25% nhu cầu sản xuất. Đối với Tổng công ty Dệt May Việt Nam, mặt hàng dệt thoi được đầu tư từ năm 1996 đến nay, nhiều mặt hàng mới chưa từng được sản xuất trước đây đến nay đã trở nên phổ biến của nhiều doanh nghiệp. Mặt hàng bông và 100% polyester chiếm tỷ trọng chính trong số các sản phẩm dệt thoi, chủ yếu được sử dụng để phục vụ may sơ mi, quần âu. Do tỷ lệ máy dệt không thoi đã được đầu tư khá nhiều (khoảng 2000 máy dệt thoi khí, dệt thoi nước và thoi kẹp) cùng với hệ thống mắc , hồ được trang bị ở hầu hết các nhà máy sản xuất vải dệt thoi mà chất lượng vải mọt đã được cải thiện đáng kể.

Mặt hàng vải Denim (bò) đã được sản xuất tại công ty Dệt may Hà Nội và công dệt Phong Phú với số lượng 16 triệu m² năm. Mặt hàng sợi bông dày, có xử lý làm bóng, chống nhàu, phòng co như gabadin, kaki, vải chéo cho may xuất khẩu cũng được sản xuất với chất lượng khá tốt tại Tổng công ty Dệt Việt Thắng, Dệt Nam Định, Dệt Đông Á. Trong lĩnh vực sợi tổng hợp

100%, nhờ đầu tư mới các thiết bị phụ trợ hiện đại như thiết bị xe với độ sẵn cao, thiết bị giảm trọng vv... và nhờ sử dụng các loại vật liệu mới như PES biến tính, PA nên Tổng Công ty đã có khả năng đa dạng các mặt hàng và xuất khẩu được một phần sản xuất ra.

Tuy nhiên dù đã được đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, máy móc của Tổng Công ty Dệt may Việt Nam vẫn chủ yếu là các máy dệt kiểu cũ, hiệu suất thấp và chưa được đầu tư đồng bộ cả hệ thống. Trong số hơn 5000 máy dệt của tổng công ty, máy dệt thoi chiếm 60% số lượng và đa phần thuộc loại lạc hậu, tốc độ chậm, hệ thống tự động kém, khả năng đa dạng các mặt hàng rất hạn chế, cho năng suất và chất lượng sản phẩm thấp, khổ hẹp, chi phí sản xuất cao, dẫn đến hạn chế cạnh tranh. Việc đầu tư vào các thiết bị và hệ thống chuẩn bị dệt như mắc, hồ ở các doanh nghiệp chưa đồng bộ với các thiết bị nên chất lượng vải dệt chưa cao, hiệu quả sử dụng thiết bị thấp. Các doanh nghiệp thường đầu tư nhỏ lẻ, mang tính chất bổ sung thay thế là chính chứ chưa quan tâm đến đầu tư mở rộng sản xuất như để sản xuất các chủng loại mặt hàng mới.

Đối với khu vực đầu tư nước ngoài và khu vực tư nhân, máy móc thiết bị có xu hướng được đầu tư hiện đại và đồng bộ hơn so với Tổng công ty Dệt May Việt Nam. Đầu tư tại khu vực này đã đi trước so với khu vực nhà nước và theo xu thế của thế giới, các máy dệt không thoi, sử dụng công nghệ hiện đại chiếm đa số. Đây cũng là khu vực đóng góp nhiều vào xuất khẩu vải của Việt Nam do khi bắt đầu đầu tư, chủ đầu tư đã có đơn hàng và nhắm trước tới các thị trường xuất khẩu nhất định. Hiện tại, năng lực sản xuất của khu vực tư nhân đạt khoảng 160 triệu m² vải/năm, bằng khoảng 65% năng lực sản xuất của khu vực đầu tư nước ngoài. Hiện nay, mỗi năm Việt Nam xuất khẩu vải dệt giá trị khoảng 140 triệu USD sang các thị trường chính như Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ, Anh...

Theo thống kê trong khoảng thời gian từ 1995 đến 2000 sản lượng sản xuất ngành may là 400% trong khi ngành dệt (sản xuất sợi, vải) khiêm tốn với 50%. Cơ cấu giá trị hàng dệt và hàng may mặc trong tổng giá trị sản xuất của ngành đã thay đổi lần lượt từ 73% và 27 năm 1990 thành 47% và 53% năm 2000 [13]. Tổng công ty dệt may có khoảng 1,2 triệu cọc sợi chiếm 55% và 9500 hộp kéo sợi OE, trong khi so sánh với các nước khác như Indonesia có 4,5 triệu cọc sợi, Pakistan có 9 cọc sợi, các cường quốc dệt may như Trung Quốc, Ấn Độ lần lượt có 50 triệu và 40 triệu cọc sợi. Đối với hoạt động dệt thoi, Việt Nam có khoảng 305 cơ sở sản xuất dệt thoi với tổng số máy dệt khoảng 17000 máy, cho năng lực sản xuất khoảng 700 triệu m² vải, tương đương 40000 tấn vải. Tổng công ty dệt may chiếm khoảng 30% năng lực sản xuất với khoảng 5000 máy dệt gồm 3000 máy dệt có thoi và 2000 máy dệt không thoi. Tuy nhiên phần lớn máy dệt có thoi thuộc loại lạc hậu, tốc độ chậm, hệ thống tự động kém, khả năng đa dạng các mặt hàng rất hạn chế, cho năng suất và chất lượng sản phẩm thấp, khổ hẹp, chi phí sản xuất cao.

Công nghiệp hóa chất ở Việt Nam chưa phát triển, khâu in, nhuộm, hoàn tất vải hầu như phải phụ thuộc hoàn toàn vào nguyên liệu, công nghệ, chuyên gia nước ngoài. Hiện nay, toàn bộ thiết bị trên đều thuộc các công ty quốc doanh trong Tổng Công dệt may Việt Nam. Dẫn đến kết quả là ngành dệt không những không đáp ứng đủ số lượng về vải của ngành may mà còn không thể đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng đối với vải xuất khẩu. Vải được sản xuất ra chủ yếu chỉ được tiêu thụ ở nông thôn hoặc các vùng tỉnh lẻ. Hiện nay Việt Nam mới chỉ sản xuất được những loại vải đơn giản như bông 100%, vải bông pha Polyester..., chưa sản xuất được các loại vải cao cấp. Nếu có, cũng chỉ sản xuất với một qui mô rất nhỏ, không nhiều so với nhu cầu sản xuất sản phẩm may. Trong khi hàng năm chúng ta phải nhập khẩu trên 70% sợi, chỉ, vải của Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước có ngành phụ trợ dệt may phát triển khác.

2.2.2. Những hạn chế còn tồn tại của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

2.2.2.1 Hạn chế của ngành sản xuất trang thiết bị máy móc, cơ kiện

Nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may được các chuyên gia trong ngành đánh giá có nhiều vấn đề, trước tiên là đối với ngành sản xuất trang thiết bị máy móc, cơ kiện còn tồn tại:

Một là, phụ tùng, cơ kiện phục vụ cho ngành Dệt May đang nhập lậu vào Việt Nam từ Trung Quốc với số lượng lớn, giá rẻ. Bên cạnh đó, tâm lý các doanh nghiệp không muốn đổi mới thiết bị cơ khí để sản xuất phụ tùng, vì sợ không cạnh tranh nổi với hàng Trung Quốc, cũng là điều dễ hiểu nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay. Theo đánh giá của tổ chức phát triển của Liên Hiệp Quốc UNDP, trình độ công nghệ dệt may của Việt Nam hiện nay ở bậc 2/7 của thế giới, thiết bị máy móc lạc hậu 2-3 thế hệ, đặc biệt là công nghệ dệt.

Hai là, phụ tùng cơ kiện của ngành dệt rất phức tạp, yêu cầu khắt khe về chất lượng, đòi hỏi có tay nghề cao và trang thiết bị hiện đại, điều này khiến các doanh nghiệp cơ khí trong ngành chưa đủ vốn đầu tư [15].

Ba là, yếu kém về nguồn nhân lực. Ngành sản xuất máy móc trang thiết bị dệt may đòi hỏi nhân công có trình độ tay nghề cao, được đào tạo cơ bản về kỹ thuật, chuyên môn trong khi hệ thống các trường dạy nghề của chúng ta không đáp ứng được. Các doanh nghiệp khi tiếp nhận lao động vẫn phải đào tạo lại cho phù hợp với thực tiễn sản xuất. Với thực trạng như hiện nay, câu hỏi được đặt ra là phát triển công nghiệp phụ trợ bắt đầu từ đâu để tiến nhanh, theo kịp với yêu cầu phát triển? Theo các chuyên gia của Nhật Bản, trước mắt, việc sản xuất những chi tiết quan trọng, đòi hỏi kỹ thuật gia công cao ở Việt Nam sẽ do các doanh nghiệp có vốn nước ngoài đảm nhận, rồi các doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt dần và nhận chuyển giao kỹ thuật. Nhưng để tiếp thu tốt các kỹ năng, kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp nước ngoài thì yêu cầu cấp bách đặt ra là nguồn nhân lực có chất lượng cao. Một trong

những nguyên nhân được các chuyên gia chỉ ra là thiếu nguồn nhân lực có tay nghề nên không hấp thụ được khoa học kỹ thuật của các đối tác nước ngoài. Trên cơ sở đó, đào tạo kỹ sư đủ kỹ năng thực hành. Để làm được việc này cần có sự hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài để thực hiện chế độ thực tập, hướng dẫn tại công xưởng.” [16].

Bảng 2.4 Máy móc thiết bị nhập khẩu phục vụ ngành dệt

STT	Máy móc thiết bị	STT	Máy móc thiết bị
1	Máy kéo sợi	10	Máy cán, xẻ
2	Máy dậu, se sợi	11	Máy căng định hình
3	Máy đánh ống	12	Máy phòng co
4	Máy dệt kim	13	Hệ thống lò hơi
5	Máy dệt thoi	14	Hệ thống máy nén khí
6	Máy dệt kiếm	15	Hệ thống lọc nước
7	Máy nhuộm kín	16	Hệ thống xử lý nước thải
8	Máy nhuộm hở	17	Hệ thống máy bơm nước
9	Hệ thống thiết bị giặt, tẩy, sấy, hấp		

(Nguồn : Hiệp hội dệt may Việt Nam)

Như vậy hầu như toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ ngành dệt chúng ta phải nhập khẩu 100%, nó đồng nghĩa với trình độ máy móc thiết bị của các Nhà máy cơ khí trong ngành quá lạc hậu, không được đổi mới, nên không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp về sản xuất máy móc có chất lượng.

Bốn là, giá sắt thép trong nước thường xuyên biến động và tăng cao, nên sản xuất phụ tùng không có hiệu quả. Hiện nay giá sắt thép trong nước đã giảm rõ rệt, nhưng chỉ là tạm thời do tác động xấu của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trước đó giá thép luôn bị các doanh nghiệp phàn nàn là quá cao,

chất lượng thép của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế do năng lực sản xuất phôi thép còn thấp, nặng về gia công và gia công chế biến phôi và bán thành phẩm.

Năm là, thiếu nguồn thông tin chính xác, kịp thời về cung cấp và cầu giữa các doanh nghiệp trong ngành và giữa các doanh nghiệp sản xuất máy móc thiết bị với các doanh nghiệp dệt may. Do vậy có những mặt hàng máy móc thiết bị được các doanh nghiệp đồng loạt sản xuất tràn lan trong khi có mặt hàng không được doanh nghiệp nào sản xuất hoặc sản xuất máy móc thiết bị lại không phù hợp yêu cầu của các doanh nghiệp dệt may do sự khác biệt về thông số kỹ thuật cũng như kiểu dáng và chức năng. Tình trạng cung không gặp cầu, gây ra nghịch lý như trên.

2.2.2.2 Hạn chế của ngành sản xuất nguyên phụ liệu

Kể từ sau ngày đất nước đổi mới, sản xuất nguyên phụ liệu đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên nhìn vào hiện trạng của ngành sản xuất nguyên phụ liệu như trên thì còn quá yếu kém, hàng năm phải nhập tới khoảng 70% nguyên phụ liệu. Phát triển không tương xứng với sự phát triển của hoạt động may mặc, làm giảm sức cạnh tranh, phụ thuộc vào nguyên phụ liệu nhập khẩu là nguy cơ dẫn đến phá sản ngành sản xuất dệt may, chủ yếu là nhập khẩu vải cho gia công xuất khẩu trực tiếp. Rõ ràng nếu so sánh Việt Nam với Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan chúng ta chịu bất lợi lớn bởi những nước trên đều sản xuất đáp ứng nhu cầu nguyên phụ liệu trong nước và thậm chí còn xuất khẩu.

Chất lượng nguyên liệu của chúng ta còn thấp do yếu kém về công nghệ máy móc. Số thiết bị kéo sợi chải thô với chỉ số chất lượng bình quân chiếm hơn 60% tổng số lượng thiết bị kéo sợi nên khả năng sản xuất các loại sợi chải kỹ chỉ số cao dùng cho dệt kim và vải cao cấp bị hạn chế. Chúng ta ít có khả năng thay đổi mẫu mã do trình độ thiết bị công nghệ còn hạn chế, trong khi

ngành dệt may là ngành thời trang đòi hỏi luôn có sự thay đổi về kiểu dáng mẫu mã.

Tuy cũng có nhiều cơ sở sản xuất nguyên phụ liệu dệt may nhưng quy mô còn nhỏ, sản xuất trông chéo, chi phí sản xuất cao. Yếu kém này đầu tiên phải kể đến những công ty quốc doanh, nhiều địa phương còn chạy theo thành tích xuất khẩu hàng dệt may, tỉnh thành nào cũng ít nhiều có đơn vị xuất khẩu dẫn đến kém hiệu quả trong việc sản xuất phụ trợ. Do đầu tư dàn trải nên dẫn đến lãng phí nguồn lực đầu vào như vốn, lao động, không thể chuyên môn hóa, tập trung hóa công nghệ cao do không tập trung được nguồn vốn lớn. Hơn nữa tình trạng mỗi doanh nghiệp tự tìm kiếm đầu vào nguyên liệu là phổ biến, hoặc công ty có tiềm lực mạnh một chút thì lại mở thêm một công ty con chuyên lo sản xuất nguyên liệu. Dẫn đến không có sự cạnh tranh trong nội bộ ngành, các công ty vệ tinh hoạt động theo sự chỉ tiêu được đề ra, không có sự sáng tạo chủ động, cũng không lo cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tồn tại bền vững. Nên dẫn đến hiện trạng chúng ta chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu nguyên phụ liệu cho sản xuất, chưa kể đến sản phẩm sản xuất không đủ tiêu chuẩn của đối tác nước ngoài, sản phẩm chủ yếu lại tiêu thụ ở vùng nông thôn, tỉnh lẻ trong nước.

2.2.2.3 Hạn chế về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Không chỉ riêng trong ngành sản xuất nguyên phụ liệu dệt may mà cả nền công nghiệp Việt Nam hiện nay giải pháp xử lý chất thải và bảo vệ môi trường còn quá yếu kém. Nói tới hàng may mặc “xanh” là nói tới các sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn sinh thái quy định, an toàn về sức khỏe đối với người sử dụng và không gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất. Nếu như tình trạng trên đã xảy ra đối với hàng dệt-may của Trung Quốc, thì tất yếu sẽ xảy ra đối với ngành Dệt- May của Việt Nam. Như vậy là, trong cuộc cạnh tranh quyết liệt sau khi hạn ngạch dệt- may được gỡ bỏ và tiêu chuẩn “Eco friendly” được EU áp dụng, thì rào cản thương mại “xanh” là một thách thức,

trở ngại lớn đối với tất cả các nước xuất khẩu hàng dệt- may vào các thị trường nói trên.

Trong ngành Dệt-May Việt Nam, cho đến nay, việc sản xuất các sản phẩm “xanh” chưa được quan tâm đúng mức. Một số nhà quản lý, điều hành doanh nghiệp còn chưa được trang bị kiến thức hoặc hiểu biết còn hạn chế về những yêu cầu “xanh” đối với các sản phẩm dệt- may xuất khẩu. Ngoài ra, phần lớn các công ty, xí nghiệp trong dây chuyền nhuộm- hoàn tất vẫn còn sử dụng một số hoá chất, chất trợ, thuốc nhuộm và các công nghệ gây ô nhiễm môi trường. Có thể nêu lên vài ví dụ nổi bật sau đây. Trong hồ sợi, ngày càng sử dụng nhiều PVA làm tăng tải lượng COD (nhu cầu oxy hoá học) trong nước thải và PVA khó xử lý vi sinh. Nước thải rū hồ thông thường chứa 4000- 8000 mg/l COD. Kỹ thuật “giảm trọng” polieste bằng kiềm được áp dụng phổ biến làm sản sinh một lượng lớn terephtalat và glycol trong nước thải sau sử dụng 5-6 lần, đưa COD có thể lên tới 80.000 mg/l Trong thành phần nước thải của các công ty, nhà máy dệt – nhuộm hiện nay, có khoảng 300- 400 mg/l COD (đã vượt tiêu chuẩn nước thải loại B 3- 4 lần) dự đoán sẽ tăng lên mức 700- 800mg/l và có thể còn tăng hơn nữa trong tương lai.

Nếu như tình hình ô nhiễm môi trường, trước hết là ô nhiễm nước thải không được kiểm soát, thì các doanh nghiệp dệt- nhuộm phải đương đầu với nhiều vấn đề nghiêm trọng, phải tốn rất nhiều kinh phí cho việc xử lý môi trường, mới đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định về môi trường, cũng như để phát triển sản xuất, xuất khẩu bền vững, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn “Eco friendly” về môi trường.

Trong các doanh nghiệp dệt hiện nay vấn đề ô nhiễm môi trường cũng rất nặng nề. Ô nhiễm từ khói thải của việc đốt lò hơi dùng than, ô nhiễm nguồn nước do nước thải từ các công đoạn nhuộm, giặt. Đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay đều thiếu hệ thống xử lý nước thải. Nước thải của công đoạn nhuộm, giặt thường được thải trực tiếp ra môi trường.

Nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp dệt nhuộm vừa thiếu và vừa yếu kém về chuyên môn. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng lãng phí năng lượng và gây ô nhiễm môi trường. Phần lớn chủ doanh nghiệp vừa đảm nhiệm cả vai trò quản lý và nhân viên kỹ thuật. Họ làm việc dựa vào kinh nghiệm là chính, rất ít chủ doanh nghiệp được đào tạo. Công nhân vận hành sản xuất thường là con em nông dân, ít được đào tạo nghề, chủ yếu học nghề theo cách truyền miệng, vừa làm vừa học.

Vấn đề môi trường đáng quan tâm nhất trong các doanh nghiệp dệt nhuộm là ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí do các chất thải trong sản xuất, đặc biệt là trong công đoạn in, nhuộm và hoàn thiện sản phẩm.

Ô nhiễm không khí do các loại khí như CO, SO₂, NO₂, NH₃, CO₂ được thải ra từ việc đốt than để vận hành lò hơi cho công đoạn nhuộm, nấu, sấy sản phẩm. Trung bình mỗi doanh nghiệp dệt đốt khoảng gần 2 tấn than/ngày. Gần như toàn bộ lượng khí này được thải trực tiếp vào môi trường. Ngoài ra các loại mùi hôi thối bốc lên từ việc phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải rất nặng nề. Các loại khí thải này đang ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ của người dân. Minh chứng cho vấn đề này có thể lấy điển hình là tỉnh Thái Bình – nơi có nhiều nhà máy dệt nhuộm. Theo điều tra y tế của Sở Tài nguyên Môi trường Thái Bình thì tỷ lệ người mắc bệnh về mắt và đường hô hấp ở các làng dệt nhuộm là cao từ 50 -70%.

Ô nhiễm nước thải là vấn đề môi trường lớn nhất đối với các làng nghề dệt. Công đoạn in, nhuộm và hoàn thiện sản phẩm sử dụng rất nhiều nước, nhiều loại hoá chất, thuốc nhuộm, chất tẩy rửa. Do các doanh nghiệp không đủ khả năng để đầu tư hệ thống xử lý nước thải, do ý thức về bảo vệ môi trường chưa cao nên nước thải thường được thải trực tiếp vào các nguồn nước. Các nguồn nước bị ô nhiễm nặng nề bởi các chất hữu cơ và đặc biệt là kim loại nặng độc hại có trong thuốc nhuộm như Sắt, Kẽm, Đồng, Chì. Theo kết quả phân tích nước thải ở làng nghề dệt nhuộm Vạn Phúc (Hà Tây) thì chỉ

số BOD là 67 – 159mg/l; COD là 139 – 423mg/l; SS là 167 – 350mg/l, và kim loại nặng trong nước như Fe là 7,68 mg/l; Pb là 2,5 mg/l; Cr6+ là 0.08 mg/l [17]. Theo số liệu của Sở Tài nguyên Môi trường Thái Bình, hàng năm làng nghề Nam Cao sử dụng khoảng 60 tấn hóa chất các loại như ôxy già, nhot thủy tinh, xà phòng, bồ tát, Javen, thuốc nhuộm nấu tẩy và in nhuộm. Các thông số ô nhiễm môi trường ở Nam Cao cho thấy hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải cao hơn tiêu chuẩn cho phép 3,75 lần, hàm lượng BOD cao hơn tiêu chuẩn cho phép tới 4,24 lần, hàm lượng COD cao hơn tiêu chuẩn cho phép 3 lần. Theo khảo sát của Viện Hoá học thì hầu hết các nguồn nước ngầm trong các làng dệt nhuộm ở Thái Bình đều đã bị ô nhiễm và không thể sử dụng làm nước sinh hoạt hàng ngày. Người dân đang phải sử dụng nguồn nước mưa dự trữ. Tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho người dân ngày càng trở nên trầm trọng. Sức khoẻ người dân đang bị đe dọa.

2.3 ĐÁNH GIÁ VỊ TRÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP DỆT MAY

Chuỗi giá trị là một loạt các hoạt động mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm tạo ra một sản phẩm từ khi ý tưởng sản phẩm được hình thành cho đến khi đưa sản phẩm đi vào sử dụng. Quá trình này bao gồm các khâu như thiết kế, sản xuất, marketing, phân phối và hỗ trợ tới người tiêu dùng cuối cùng. Những hành động này có thể được tạo bởi một doanh nghiệp hoặc bởi nhiều doanh nghiệp khác nhau, diễn ra trong một khu vực địa lý duy nhất hoặc trải dài tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Khái niệm chuỗi giá trị toàn cầu (Global Value Chain) được hiểu là chuỗi giá trị được tạo ra bởi nhiều công ty khác nhau và trải dài trên nhiều khu vực địa lý.

Phân tích chuỗi giá trị cho chúng ta một bức tranh sinh động về việc tạo ra giá trị gia tăng của toàn ngành Dệt May cũng như của từng doanh nghiệp. Việc phân tích này cũng chỉ ra rằng, không chỉ có khâu sản xuất mới tạo ra giá trị gia tăng. Trong hầu hết các chuỗi giá trị, khâu thiết kế thường đóng góp

một tỷ lệ lớn giá trị gia tăng, cao hơn hẳn khâu sản xuất. Và cũng bởi thế, lao động làm việc trong các khâu mang lại giá trị gia tăng cao thường đòi hỏi trình độ cao hơn và tiền công cũng cao hơn. Bên cạnh đó, phân tích chuỗi giá trị gia tăng còn cho chúng ta biết con đường, cách thức thương mại hoá sản phẩm của ngành. Đặc biệt là, cùng với phân tích chuỗi giá trị gia tăng của ngành Dệt May, chúng ta có thể tìm ra những điểm yếu về liên kết trong chuỗi giá trị, những điểm này có thể mang lại lợi nhuận thấp và là rào cản sức mạnh của toàn Ngành. Gần đây, có một số chuyên gia cho rằng, việc phát triển sản xuất (gia công) các sản phẩm dệt may, mặc dù tạo giá trị gia tăng không cao, nhưng giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh hơn bởi các “cường quốc may mặc” họ cạnh tranh nhau rất khốc liệt ở giai đoạn thiết kế và phát triển phụ trợ mà tạo ra nhiều thị trường ngách cho các nước như Việt Nam. Trong ngắn hạn, quan điểm này cố gắng phản ánh đúng thực tiễn, nhưng sẽ là không phù hợp, thậm chí sẽ có định hướng sai lệch cho phát triển ngành Dệt May Việt Nam trong tầm nhìn dài hơn [18]. Như đã phân tích, khác với các ngành công nghiệp khác, công nghệ không phải là đòi hỏi có tính sống còn đối với các doanh nghiệp dệt may. Theo đó, các doanh nghiệp không quá khó khăn trong quá trình tiếp cận các yếu tố đầu vào, điển hình là nguồn nhân lực. Hơn nữa, với bề dày kinh nghiệm, ngành Dệt May Việt Nam hoàn toàn đủ năng lực để phát triển các khâu chủ chốt mang lại giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị may mặc toàn cầu. Phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may hiện nay là yêu cầu cấp bách, nâng tầm Việt Nam được biết đến không chỉ ở khâu cuối cùng trong chuỗi giá trị toàn cầu, giá trị gia tăng của ngành từng bước được nâng lên.

Ngành công nghiệp phụ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu. Sự phân công lao động quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đang càng dịch chuyển các cơ sở sản xuất may mặc từ các nước công nghiệp phát triển sang các quốc gia kém phát triển có lợi thế về nguồn lao động dồi

dào và giá rẻ. Do vậy, ngành may mặc của các quốc gia kém phát triển, đặc biệt là tại châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam... đang phát triển rất nhanh, mạnh và cạnh tranh nhanh dữ dội tại các thị trường tiêu thụ như Mỹ, Nhật Bản, EU, Canada... Hai yếu tố cạnh tranh chủ yếu của hàng may mặc là giá thành và chất lượng đều được quyết định rất nhiều bởi khả năng sản xuất phụ trợ. Trước hết về giá thành, nguyên liệu đầu vào đóng góp trên 70% giá trị thành phẩm may mặc cuối cùng. Các quốc gia không sản xuất được nguyên liệu sẽ phải nhập khẩu khiến giá thành của sản phẩm cuối cùng bị đội lên cao so với các quốc gia tự sản xuất được nguyên liệu. Trong khi yếu tố chi phí lao động của hầu hết các quốc gia xuất khẩu dệt may đều đang tịnh tiến về một mặt bằng chung, sự thiếu chủ động về nguyên liệu sản xuất kể trên sẽ làm giảm đi rất nhiều tính hiệu quả của sản xuất cũng như sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu cuối cùng.

Về chất lượng, công nghệ, nguyên liệu đầu vào là yếu tố quyết định đối với chất lượng của sản phẩm may mặc cuối cùng. Hiện nay, mặc dù giá vẫn là yếu tố cạnh tranh chủ yếu của hàng dệt may, người tiêu dùng đã chú ý nhiều hơn tới chất lượng khi quyết định mua hàng. Do vậy, chất lượng sẽ dần trở thành một yếu tố quyết định về khả năng cạnh tranh quốc tế của hàng may mặc xuất khẩu

Công nghiệp phụ trợ phát triển giúp nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững của hàng may mặc tại thị trường nội địa. Trong quá trình phát triển do sự phân công lao động nên mức độ phát triển dệt may ở các nước cũng khác nhau. Đối với Việt Nam lấy công nghiệp dệt may là công nghiệp trọng điểm, sự phát triển cân đối giữa sản phẩm may mặc và sản phẩm phụ trợ có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo sự cân bằng và bền vững trong sự phát triển. Nhất là trong quá trình hội nhập nền kinh tế toàn cầu hiện nay, khi mà công nghệ và máy móc sẽ dần thay thế yếu tố lợi thế về nhân công giá rẻ.. Việt Nam cũng như nhiều quốc gia đang và kém phát triển khác, do thiếu khả năng sản xuất

mặt hàng hỗ trợ cho ngành dệt may nên quá tập trung vào hàng may mặc xuất khẩu dẫn tới thiếu nguồn nguyên liệu hoặc sử dụng nguồn nguyên liệu chất lượng thấp để sản xuất hàng nội địa, khiến cho sức mạnh của hàng may mặc bị sa sút ngay tại thị trường trong nước. Vì vậy yêu cầu cấp bách phát triển công nghiệp phụ trợ không những xuất khẩu mà còn phát triển ngay tại thị trường trong nước, tránh thua ngay tại sân nhà.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM

3.1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2015 TẦM NHÌN NĂM 2020

3.1.1 Quan Điểm và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam

Định hướng phát triển ngành dệt may là ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Dù hiện nay tuy là ngành có hiệu quả chưa cao nhưng vẫn là ngành thu hút trên 2 triệu lao động tạo ra sự cân đối giữa các vùng miền. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng chưa phải là thời điểm thích hợp của Việt Nam, sự phát triển không ngừng của ngành dệt may những năm qua đã khẳng định tầm quan trọng của ngành trong các vấn đề an sinh xã hội, kinh tế đất nước do đó phát triển ngành dệt may trong những năm tới đây là vấn đề cần quan tâm. Nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức WTO, tham gia sâu rộng hơn vào kinh tế toàn cầu, là cơ hội lớn nếu như các doanh nghiệp dệt may Việt Nam biết nắm bắt, có giải pháp hữu hiệu. Có thể dự báo trong thời gian sắp tới dệt may vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế bởi những ưu việt mà nó mang lại: kim ngạch xuất khẩu lớn, tạo nhiều công ăn việc làm, tạo cân đối giữa các vùng miền. Khó có ngành công nghiệp nào thay thế được vai trò chủ đạo của ngành dệt may. Tuy nhiên ngành kinh tế có lợi suất cao nhưng chưa phù hợp với điều kiện của Việt Nam vì chúng ta không đủ nguồn lực cần thiết: nguồn lực tài chính, con người mà nước Việt Nam chúng ta vẫn đang trong thời gian tích lũy tư bản cho sự phát triển, khi có đầy đủ các yếu tố thì chúng ta sẽ nhanh chóng phát triển những ngành khác.

Trong quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số 36/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2008 phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015 định hướng tầm nhìn năm 2020, tại khoản một điều 1 có quy định:

- Phát triển ngành Dệt May theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa, nhằm tạo ra bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm. Tạo điều kiện cho ngành Dệt May Việt Nam tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững và hiệu quả. Khắc phục những điểm yếu của ngành dệt may là thương hiệu của các doanh nghiệp còn yếu, mẫu mã thời trang chưa được quan tâm, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển, cung cấp nguyên phụ liệu vừa thiếu vừa không kịp thời.

- Lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phát triển tối đa thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, giảm nhập siêu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

- Phát triển ngành Dệt May phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp nông thôn. Di chuyển các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào các Khu, Cụm Công nghiệp tập trung để tạo điều kiện xử lý môi trường. Chuyển các doanh nghiệp Dệt May sử dụng nhiều lao động về các vùng nông thôn, đồng thời phát triển thị trường thời trang Dệt May Việt Nam tại các đô thị và thành phố lớn.

- Đa dạng hóa sở hữu và loại hình doanh nghiệp trong ngành Dệt May, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển Dệt May Việt Nam. Trong đó chú trọng kêu gọi những nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào những lĩnh vực mà các nhà đầu tư trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

- Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển bền vững của ngành Dệt May Việt Nam; Trong đó, chú trọng đào tạo

cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề nhằm tạo ra đội ngũ doanh nhân giỏi, cán bộ, công nhân lành nghề, chuyên sâu.

Thời trang hoá là xu hướng tất yếu và lâu dài của ngành công nghiệp dệt may thế giới vì nó mang lại nhiều lợi ích và giá trị. Lấy ví dụ, một chiếc cravat “Made in Italy” có giá tới 200 đô la Mỹ nhưng chỉ cần rất ít nguyên liệu để sản xuất, nghĩa là hàm lượng giá trị gia tăng mà sản phẩm thời trang này tạo ra cho ngành dệt may Ý là rất lớn, và nó còn mang lại uy tín và thương hiệu quốc gia cho nước này trên toàn cầu.

Dệt may nước ta cũng sẽ đi theo con đường đó và trải qua các giai đoạn từ sản xuất gia công tiến đến thời trang hoá tại thị trường trong nước và vươn ra thị trường thế giới. Lấy ví dụ, Công ty May Việt Tiến đã bắt đầu thời trang hoá các sản phẩm của họ, sản xuất chiếc áo sơ mi thời trang bán trong nước rồi dần dần tiến ra nước ngoài để xây dựng thương hiệu.

Thời trang hoá sẽ tạo ra thương hiệu cho dệt may Việt Nam, muốn vậy các công ty trước hết phải làm tốt tại thị trường trong nước.

Trên cơ sở quan điểm phát triển ngành dệt may như trên, có thể nêu ra mục tiêu cụ thể như sau:

- Phát triển ngành Dệt May trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu; thoả mãn ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới.

- Đảm bảo cho các doanh nghiệp Dệt May phát triển bền vững, hiệu quả trên cơ sở công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Giai đoạn 2008 đến 2010, tăng trưởng sản xuất bình quân đạt 16% đến 18%, tăng trưởng xuất khẩu bình quân đạt 20% và kim ngạch xuất khẩu đạt 12,0 tỷ USD vào năm 2010;

- Giai đoạn 2011 đến 2015, tăng trưởng sản xuất bình quân đạt 12% đến 14%, tăng trưởng xuất khẩu bình quân đạt 15% và kim ngạch xuất khẩu đạt 18 tỷ USD vào năm 2015;

- Giai đoạn 2016 đến 2020, tăng trưởng sản xuất bình quân đạt 12% đến 14%, tăng trưởng xuất khẩu bình quân đạt 15% và kim ngạch xuất khẩu đạt 25 tỷ USD vào năm 2020 [19].

Bảng 3.1 Chiến lược phát triển ngành dệt may đến năm 2015 định hướng 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Mục tiêu toàn ngành đến		
			2010	2015	2020
1. Doanh thu	Triệu USD	7.800	14.800	22.500	31.000
2. Xuất khẩu	Triệu USD	5.834	12.000	18.000	25.000
3. Sử dụng lao động	Nghìn người	2.150	2.500	2.750	3.000
4. Tỷ lệ nội địa hóa	%	32	50	60	70

(Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam)

Mục tiêu của ngành lớn, cần huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng Việt Nam trở thành trung tâm thời trang của khu vực trong mối liên kết đa ngành thương mại văn hóa du lịch.

3.1.2 Quan điểm và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

Quan điểm phát triển:

Công nghiệp phụ trợ dệt may phải là ngành xương sống để ngành dệt may đứng vững trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Gần đây, có một số chuyên gia cho rằng việc phát triển sản xuất (gia công) các sản phẩm dệt may, mặc dù tạo giá trị gia tăng không cao, nhưng giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh hơn bởi các “cường quốc may mặc” họ cạnh

tranh nhau rất khốc liệt ở giai đoạn thiết kế và phát triển phụ trợ mà tạo ra nhiều thị trường ngách cho các nước như Việt Nam. Trong ngắn hạn, quan điểm này cố gắng phản ánh đúng thực tiễn, nhưng nó sẽ không phù hợp, thậm chí sẽ có định hướng sai lệch cho phát triển ngành Dệt May Việt Nam trong tầm nhìn dài hơn. Như đã phân tích, khác với các ngành công nghiệp khác, công nghệ không phải là đòi hỏi có tính sống còn đối với các doanh nghiệp dệt may. Theo đó, các doanh nghiệp không quá khó khăn trong quá trình tiếp cận các yếu tố đầu vào, điển hình là nguồn nhân lực. Hơn nữa, với bề dày kinh nghiệm, ngành Dệt May Việt Nam hoàn toàn đủ năng lực để phát triển các khâu chủ chốt mang lại giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị may mặc toàn cầu. Chuỗi giá trị toàn cầu của ngành Dệt May có thể hiểu như sau: Việc thiết kế kiểu dáng diễn ra ở New York, London... Vải được sản xuất ở Trung Quốc, các phụ liệu đầu vào khác được sản xuất tại Ấn Độ và sản xuất sản phẩm cuối cùng được thực hiện ở những nước có chi phí nhân công thấp như Việt Nam, Trung Quốc... Trong chuỗi giá trị này, Việt Nam mới chỉ tham gia vào khâu sản xuất sản phẩm cuối cùng, khâu được đánh giá là tạo ra giá trị gia tăng thấp nhất trong toàn chuỗi giá trị. Khoảng 90% doanh nghiệp Dệt May của Việt Nam tham gia vào khâu này của chuỗi giá trị dưới hình thức gia công. Như vậy để gia tăng giá trị cho ngành may mặc xuất khẩu, ưu tiên hiện nay nhất vẫn là sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành dệt may. Phát triển công nghiệp phụ trợ có tính chọn lọc gắn với phát triển bền vững. Ngành sẽ tập trung sản xuất một số mặt hàng chủ lực, có yêu cầu số lượng cao ở các doanh nghiệp may xuất khẩu như vải bông, bông pha, nghiên cứu các loại vải chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu may thời trang. Cần có quy hoạch tổng thể tránh tình trạng doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm giống nhau, gây chồng chéo hiệu quả thấp. Phát triển phải đi đôi với bảo vệ môi trường, bởi thực tế hiện nay tình trạng ô nhiễm là khá phổ biến ở các cơ sở sản xuất nguyên liệu, chưa có hệ thống xử lý chất thải đúng quy định, đe dọa trực tiếp công nhân trong ngành

cũng như toàn xã hội. Chính phủ cần có những tiêu chí cụ thể với những loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau, đảm bảo phát triển bền vững.

Mục tiêu phát triển:

Chiến lược và kế hoạch phát triển ngành sản xuất phụ trợ cho ngành dệt may là nâng cao khả năng chủ động và tỷ lệ cung cấp nguyên liệu cho ngành dệt nhằm thỏa mãn yêu cầu bắt buộc của thị trường nhập khẩu về tỷ lệ giá trị nội địa, đồng thời nhằm hạ giá thành sản phẩm dệt may, nâng cao phần lợi nhuận của ngành và đất nước. Cụ thể hóa quan điểm phát triển như trên, Chính Phủ đề ra mục tiêu cụ thể cho ngành dệt may đến năm 2015 tỷ lệ nội địa hóa đạt 39 % và năm 2020 đạt 40% nhu cầu vải dệt thoi, đến năm 2015 tự sản xuất trong nước từ 10 – 70% phụ tùng cơ khí dệt may và 40 – 100% vào năm 2020, năm 2015 đáp ứng 50% nhu cầu nội địa về các sản phẩm xơ và sợi tổng hợp, năm 2020 đáp ứng 80% nhu cầu nội địa và tiến tới xuất khẩu sau năm 2020 [20]. Đây là những mục tiêu hết sức phù hợp với lộ trình phát triển ngành dệt may, để Việt Nam có thể trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may hàng đầu trong thời gian tới và để đạt được bắt buộc ngành phải có những bước tiến nhảy vọt trong thời gian tới

Bảng 3.2 Quy hoạch công nghiệp hỗ trợ đến năm 2015 tầm nhìn 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
- Bông xơ	1000 Tấn	20	40	60
- Xơ, sợi tổng hợp	1000 Tấn	120	210	300
- Sợi các loại	1000 Tấn	350	500	650
- Vải các loại	Tr. m ²	1.000	1.500	2.000
- Sản phẩm may	Tr. SP	1.800	2.850	4.000

(Nguồn: Quy hoạch phát triển của Bộ Công Thương)

Mục tiêu đặt ra là rất cụ thể, tuy nhiên để thực hiện được cần có sự phối hợp đồng bộ giữa doanh nghiệp và chính phủ, có đường lối đúng đắn và sự nỗ lực hết sức của cả cộng đồng doanh nghiệp trong ngành.

3.1.3 Chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

Có ý nghĩa vô cùng quan trọng với ngành công nghiệp dệt may, chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ luôn được nhà nước quan tâm, định hướng đúng đắn. Cụ thể hóa kế hoạch và chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may là nâng cao khả năng chủ động và tỷ lệ cung cấp nguyên liệu cho ngành dệt may thỏa mãn yêu cầu bắt buộc của thị trường nhập khẩu về tỷ lệ giá trị nội địa, đồng thời nhằm hạ giá thành sản phẩm dệt may nâng cao lợi nhuận cho đất nước. Do đó trong quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số 36/2008/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may phải có chọn lọc, cần có quy hoạch sản phẩm chiến lược và quy hoạch vùng lãnh thổ.

Quy hoạch sản phẩm chiến lược:

- Tập trung sản xuất vải và phụ liệu phục vụ may xuất khẩu. Trong sản xuất vải, khâu nhuộm và hoàn tất vải đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng vải đáp ứng yêu cầu của thị trường và của khách hàng. Đầu tư sản xuất vải phải lựa chọn công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm chi phí nguyên liệu và thân thiện với môi trường;

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất bông, xơ, sợi tổng hợp và phụ liệu, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm dần nhập khẩu, tiết kiệm ngoại tệ;

- Tăng cường đầu tư phát triển ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội của thị trường. Các doanh nghiệp may cần đa dạng hoá và nâng cao đẳng cấp mặt hàng, tích cực thay đổi phương thức sản xuất hàng xuất khẩu từ nhận nguyên liệu giao thành phẩm sang mua đứt bán đoạn, đẩy mạnh các hoạt động

hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp may như các hoạt động thiết kế mẫu mốt, cung ứng nguyên phụ liệu, xúc tiến thương mại

Quy hoạch theo vùng, lãnh thổ:

Quy hoạch dệt may theo vùng lãnh thổ được phân bố ở các khu vực với những định hướng chính:

- Khu vực I: Vùng đồng bằng sông Hồng

Quy hoạch theo định hướng lấy Hà Nội là trung tâm làm dịch vụ, cung cấp nguyên phụ liệu, công nghệ, mẫu mốt, các cơ sở may sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Các cơ sở sản xuất di dời về các Khu công nghiệp ở các tỉnh như: Hoà Xá (Nam Định), Nguyễn Đức Cảnh (Thái Bình), Phố Nối B (Hưng Yên), Đồng Văn (Hà Nam), Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình. Tại khu vực này sẽ hình thành một cụm công nghiệp may xuất khẩu và ba khu công nghiệp dệt nhuộm hoàn tất tập trung. Đầu tư một nhà máy sản xuất xơ Polyester công suất 160.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Đình Vũ (Hải Phòng).

- Khu vực II: Vùng Đông Nam Bộ

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm thương mại, thiết kế mẫu mốt, dịch vụ công nghệ dệt may và các nhà máy may các sản phẩm thời trang, có giá trị gia tăng cao. Di dời các cơ sở nhuộm, hoàn tất tại Thành phố Hồ Chí Minh về Khu công nghiệp Long An và các tỉnh lân cận. Đây là khu vực đã phát triển nóng về dệt may trong những năm qua, hiện đang gặp rất nhiều khó khăn về lao động nên không khuyến khích đầu tư mới vào khu vực này để tránh sức ép về lao động.

- Khu vực III: Vùng duyên hải Trung bộ

Lấy Thành phố Đà Nẵng làm trung tâm để hình thành một cụm công nghiệp may xuất khẩu và một số Khu công nghiệp dệt nhuộm - hoàn tất tại Hoà Khánh (Đà Nẵng), Quảng Trị.

- Khu vực IV: Đồng bằng sông Cửu Long

Lấy Thành phố Cần Thơ làm trung tâm để hình thành một cụm công nghiệp may xuất khẩu và một khu công nghiệp dệt nhuộm tập trung tại Trà Vinh.

- Khu vực V: Vùng Đông Bắc và Tây Bắc bộ

Quy hoạch theo hướng bố trí một Khu Công nghiệp dệt tại Phú Thọ, các nhà máy may bố trí ở các tỉnh. Phát triển vùng trồng bông, nguyên liệu tơ tằm ở Sơn La, Điện Biên.

- Khu vực VI: Vùng Bắc Trung bộ

Quy hoạch theo hướng bố trí các doanh nghiệp dệt may theo trục quốc lộ 1 với một số cụm, điểm công nghiệp tại Bỉm Sơn (Thanh Hoá), Vinh (Nghệ An), Huế (Thừa Thiên Huế). Hình thành ba khu công nghiệp dệt nhuộm tập trung tại Diễn Châu (Nghệ An), Hà Tĩnh, Quảng Trị trong giai đoạn từ 2012 đến 2015.

- Khu vực VII: Vùng Tây nguyên

Định hướng đẩy mạnh chuyên môn hoá các cây nguyên liệu dệt như dâu tằm, bông... gắn liền với chế biến tạo ra các sản phẩm cho thị trường xuất khẩu và nội địa. Đồng thời kết hợp phát triển các cơ sở may phục vụ nội địa hoặc làm vệ tinh cho ngành may của khu vực II và khu vực III.

Xây dựng các Trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn để cung ứng kịp thời nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp trong ngành [21].

Xây dựng các doanh nghiệp kinh doanh nguyên phụ liệu tập trung nhằm đáp ứng được nhu cầu nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp với chất lượng cao và giá nhập khẩu hợp lý.

Ngành dệt may sẽ thực hiện tập trung 10 cụm công nghiệp dệt gồm 4 cụm phía Bắc (Hà Nội – Hà Tây – Vĩnh Phúc, Phố Nội Hưng Yên, Thái Bình – Nam Định, Lệ Môn Thanh Hóa); 2 cụm miền Trung (Huế - Đà Nẵng – Khánh Hòa; Dung Quất Quảng Ngãi) và 4 cụm miền Nam (Thành Phố Hồ

Chí Minh, Nhơn Trạch, Bình An Bình Dương, Biên Hòa Đồng Nai), mỗi cụm sẽ bao gồm:

- | | |
|---|------------------------------|
| - Nhà máy kéo sợi 2 đến 3 vạn cọc | 3200 tấn |
| - Nhà máy dệt vải mịch cho áo sơ mi (vải nhẹ) | 10triệu m ² /năm |
| - Nhà máy dệt vải mịch cho quần âu (vải nặng) | 10 triệu m ² /năm |
| - Nhà máy nhuộm và hoàn tất cho vải bông | 25 triệu m ² /năm |
| - Nhà máy dệt, nhuộm, hoàn tất vải tổng hợp | 20 triệu m ² /năm |

Theo mục tiêu đề ra là đạt tỷ lệ nội địa hóa từ 70 đến 80% giai đoạn 2015- 2020 là rất khó khăn, đòi hỏi tất cả chính phủ cũng như các doanh nghiệp sản xuất dệt may nói chung và sản xuất phụ trợ cho ngành dệt may phải có những tiến bộ vượt bậc.

Về đường lối thì chiến lược trên cơ bản thể hiện quyết tâm của chính phủ Việt Nam trong việc xây dựng công nghiệp phụ trợ dệt may cũng như ngành dệt may phát triển bền vững.

3.2 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ DỆT MAY VIỆT NAM

Để đạt được những mục tiêu làm sao để ngành công nghiệp phụ trợ phát triển tương xứng với ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang suy thoái là rất khó khăn, đòi hỏi chính phủ cũng như cộng đồng doanh nghiệp dệt may, doanh nghiệp sản xuất phụ trợ cho dệt may phải cùng nhau hợp tác, tháo gỡ khó khăn từng bước xây dựng công nghiệp phụ trợ, em xin đề cập đến 2 nhóm giải pháp với nhà nước và doanh nghiệp.

3.2.1 Giải pháp Vĩ Mô

Đối với bất cứ một ngành sản xuất nào vai trò của nhà nước là rất quan trọng, ngành công nghiệp phụ trợ dệt may cũng vậy rất cần những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, như chính sách kích cầu, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ thu nhập cho công nhân; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến xuất khẩu; hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất

nghiệp... Theo ông Lê Quốc Ân – Chủ tịch Hiệp hội dệt may Việt Nam cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, ngành phụ trợ dệt may cần phải nỗ lực rất lớn mới có thể hoàn thành mục tiêu kim ngạch XK từ 9,2 đến 9,5 tỷ USD trong năm 2009.

a/ Giải pháp về công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất và nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

Trước mắt nên đầu tư trọng điểm cho ngành dệt để có những dây chuyền thiết bị với công nghệ sản xuất hiện đại, tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh có chất lượng tốt, giá thành hạ, đủ khả năng cạnh tranh cung cấp cho may. Phấn đấu đến năm 2015 có thể cung cấp từ 70-80% nguyên liệu cho ngành may, chủ động được nguyên phụ liệu theo chủ chương của chính phủ, bộ tài chính đã phê duyệt chiến lược phát triển ngành nguyên liệu dệt may.

Với trang thiết bị sản xuất phục vụ sản xuất khuy, móc, máy dệt, máy xe sợi... đang là khâu yếu của Việt Nam, chúng ta không thể nhanh chóng thay thế ngay được, bởi như phân tích ở trên thì năng lực sản xuất của các xưởng cơ khí của chúng ta còn hạn chế, chỉ đáp ứng được rất ít nhu cầu của ngành may. Do đó biện pháp trước mắt vẫn là làm tốt công tác nhập khẩu thiết bị phụ tùng, và có chính sách khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ, tạo ưu đãi với các doanh nghiệp FDI nhằm tận dụng được công nghệ tiên tiến. Chú trọng đến công tác nhập khẩu thiết bị phụ tùng, kiểm định hàng nhập khẩu, thẩm định chất lượng công nghệ để có thể nhập được những thiết bị phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới trong ngành, tránh biến Việt Nam thành bãi rác công nghệ. Cũng như nhiều quốc gia tiên tiến phát triển, chúng ta cần có những trung tâm, viện nghiên cứu công nghệ, dù hiện nay còn khó khăn chưa thể đầu tư nhưng trong tương lai chắc chắn cần phải có.

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm dệt may phù hợp và hài hoà với pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thông lệ quốc tế. Hỗ trợ nâng cấp các trung tâm giám định, kiểm tra chất lượng sản

phẩm phục vụ ngành dệt may, hỗ trợ cho các doanh nghiệp Dệt May trong quản lý chất lượng và khắc phục các rào cản kỹ thuật

- Xây dựng phòng thí nghiệm sinh thái Dệt May và Trung tâm phát triển các mặt hàng vải trong giai đoạn 2010-2015.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về ngành Dệt May, nâng cao chất lượng của trang thông tin điện tử.

Như đã trình bày ở trên hiện nay phần lớn nguyên phụ liệu ngành dệt may Việt Nam như : bông, tơ, sợi, hóa chất thuốc nhuộm ... đều phải nhập khẩu. Điều này là hoàn toàn không thỏa đáng khi nước ta có khí hậu, đất đai hoàn toàn phù hợp với việc trồng bông, trong thời gian qua chủ yếu là vì đầu ra của cây bông chưa được đảm bảo nên diện tích bông ngày càng thu hẹp, bà con nông dân không còn tin tưởng vào cây bông nên chuyển sang những loại cây trồng khác. Khôi phục được ngành trồng bông chính phủ cần có chính sách hỗ trợ người trồng bông, cụ thể là giúp người nông dân xác định mùa vụ thích hợp, tạo giống lai có năng suất cao, phẩm chất tốt đưa vào sản xuất, có kế hoạch bao tiêu sản phẩm, xây dựng cơ sở chế biến bông tại những vùng trồng bông với công nghệ tiên tiến, quan trọng nhất là nhà nước nên cho quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp lập quỹ bảo lãnh tín dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư tín dụng cho nông dân trồng bông, lập quỹ bảo hiểm về giá cho người nông dân.

Đối với nguyên liệu xơ sợi tổng hợp, Chính phủ sẽ xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp hóa dầu đồng bộ và thực hiện thu hút đầu tư vào các dự án sản xuất xơ sợi tổng hợp. Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động đầu tháng 3 năm 2009 là tín hiệu đáng mừng, mở ra một trang mới trong ngành hóa dầu nước nhà, kéo theo sự phát triển của tất cả các ngành nói chung và ngành công nghiệp sản xuất sợi tổng hợp nói riêng, là nền tảng để các doanh nghiệp đầu tư sản xuất các loại nguyên liệu tổng hợp, các loại chất tẩy nhuộm

Chính phủ nhanh chóng hỗ trợ xây dựng các trung tâm giao dịch về nguyên liệu dệt may đi liền với các cụm và trung tâm dệt may được quy hoạch nhằm tạo ra sự thuận tiện trong giao dịch mua bán các sản phẩm đầu ra của ngành sản xuất nguyên liệu. Đáp ứng được nhu cầu của nhà sản xuất hiện nay: doanh nghiệp chủ động trong việc tìm đầu vào, giảm bớt chi phí mua nguyên liệu, hiệu quả cao hơn, đồng thời đảm bảo đầu ra cho những nhà sản xuất nguyên liệu, mô hình này sẽ tạo ra chuỗi liên kết giữa các nhà sản xuất trong ngành đáp ứng những đơn hàng khổng lồ theo yêu cầu của đối tác, hàng dệt may tăng được khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và nội địa.

b/ Giải pháp về nguồn vốn đầu tư

Nhà nước cần có chính sách khuyến khích về huy động vốn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp vay vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Các dự án đầu tư phát triển cho ngành công nghiệp phụ trợ dệt may đều có nhu cầu vốn lớn so với các dự án đầu tư vào ngành may, thời gian huy động vốn dài, do đó nhà nước cần có ưu tiên bố trí nguồn vốn dài hạn, thời gian trả nợ trên 10 năm, với lãi suất cạnh tranh. Đây là yêu cầu hoàn toàn xác đáng, có thực hiện được như vậy thì các doanh nghiệp mới an tâm sản xuất, không quá phải lo về thời gian trả lãi, vốn vay ngân hàng. Về lâu dài chính sách hỗ trợ về vốn của nhà nước nên được thông qua các chính sách khuyến khích và thu hút các nguồn vốn đầu tư vào công nghiệp phụ trợ cho hàng dệt may, nhất là nguồn vốn đầu tư trực tiếp FDI, ODA. Đây chính là những nguồn vốn lớn của các nước phát triển, chúng ta có ưu đãi đầu tư, môi trường thông thoáng thì chắc chắn sẽ kêu gọi và thu hút được nguồn vốn này. Theo kế hoạch nhu cầu vốn để thực hiện Chương trình giai đoạn 2008 - 2015 là 2.570,8 triệu USD. Trong đó: Vốn cho các khu, cụm công nghiệp dệt nhuộm tập trung và các dự án sợi dệt nhuộm là 2.464 triệu USD; vốn cho dự án nhà máy sản xuất xơ PES là 56,5 triệu USD; vốn cho các chương trình hỗ trợ khác là 50,3 triệu USD.

Bảng 3.3 Tổng vốn dự tính phát triển công nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu

Danh mục dự án	Đơn vị tính	Đầu tư đến 2015	Suất đ.tr (10 ⁶ USD)	Vốn đầu tư (10 ⁶ USD)
Khu, cụm CN dệt nhuộm	Khu, cụm	7	352	2.464,0
Nhà máy sản xuất xơ PES	Tấn/ngày	120	0,47	56,5
Các chương trình hỗ trợ khác				50,3
Trường Đại học Dệt may	Trường	1	12,5	12,5
Trung tâm mẫu và PTN sinh thái	Trung tâm	1	6,0	6,0
Trung tâm nguyên phụ liệu	Trung tâm	2	9,0	18,0
Đào tạo				6,2
Nghiên cứu triển khai				3,6
Xúc tiến thương mại				4,0
Tổng cộng				2.570,8

(Nguồn: Quy hoạch phát triển của Bộ Công Thương)

Đáp ứng được nhu cầu vốn đề ra là vấn đề rất khó khăn, đòi hỏi chính phủ cũng như doanh nghiệp cần có sự phối hợp, cùng tháo gỡ. Để làm được điều này nhà nước cần ban hành chính sách hấp dẫn nhà đầu tư trong nước, nước ngoài nhiều hơn:

Tạo sự công bằng minh bạch cho mọi nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài. Sớm ban hành Luật khuyến khích đầu tư chung cho mọi đối tượng đầu tư gồm cả nhà đầu tư tư nhân trong nước cũng như nhà đầu tư nước ngoài.

Chính phủ cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chấn chỉnh bộ máy hoạt động của các cơ quan quản lý để một một mặt góp phần quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả nguồn vốn sử dụng từ ngân sách nhà nước. Giảm bớt thủ tục, thực hiện chính sách một cửa khi các doanh nghiệp đệ trình dự án đầu

tư vào ngành, miễn phí thẩm tra dự án, giảm thiểu tiến tới xóa bỏ các điều kiện làm phát sinh chi phí ẩn với doanh nghiệp.

Quan điểm của chính phủ đối với phát triển dệt may nói chung và công nghiệp phụ trợ dệt may nói riêng là khuyến khích sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo không có nghĩa là nhà nước ưu tiên và phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp quốc doanh và doanh nghiệp ngoài quốc doanh mà nhấn mạnh vai trò vốn đầu tư của nhà nước. Vì vậy phải xây dựng một môi trường cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hoạt động phụ trợ cho ngành dệt may, nâng cao vai trò của khối kinh tế ngoài quốc doanh, giảm nhẹ gánh nặng về vốn đầu tư cho ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó chính phủ cũng có chính sách thuế phù hợp với doanh nghiệp hoạt động sản xuất phụ trợ cho ngành dệt may. Hoạt động đầu tư cần nguồn vốn lớn, thu hồi vốn trong nhiều năm là thách thức thật sự với các doanh nghiệp sản xuất do đặc thù riêng của ngành sản xuất này, vì vậy nhà nước nên có biện pháp giãn thời gian nộp thuế thu nhập hoặc miễn thuế thu nhập trong một vài năm đầu, để hỗ trợ cho các doanh nghiệp tái đầu tư sản xuất cũng như tạo ra nguồn vốn lưu động lớn.

Trước mắt, Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất việc giảm thuế VAT nhập khẩu bông từ 10% xuống 5%; giãn thời gian nộp thuế VAT đối với thiết bị nhập khẩu đầu tư và ủy thác gia công xuất khẩu; chính phủ nên cho phép áp dụng cơ chế đối với vải và phụ liệu may sản xuất trong nước nếu bán cho các đơn vị sản xuất gia công hàng xuất khẩu tại Việt Nam được hưởng mức thuế xuất thuế giá trị gia tăng như đối với hàng xuất khẩu; giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV năm 2008 cho các doanh nghiệp dệt may; gia hạn nộp thuế thu nhập cá nhân đối với quỹ tiền lương còn lại chuyển sang năm sau của các doanh nghiệp.

c/ Giải pháp về nguồn nhân lực

Cần đào tạo kỹ sư có đủ trình độ về kỹ thuật thực hành và thực tiễn. Trang bị cho họ kiến thức cần thiết. Để thực hiện được điều này cần phải xây dựng các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường đại học và cao đẳng, trung tâm đào tạo nghề. Cần có một tầm nhìn dài hạn về vấn đề này. Mặt khác, cần có các chính sách hợp tác với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện chế độ thực tập, hướng dẫn tại hiện trường. Thông qua Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Dệt May Việt Nam, tập trung ưu tiên đào tạo cán bộ quản lý kinh tế - kỹ thuật, cán bộ bán hàng chuyên ngành dệt may, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề cho các dự án dệt nhuộm trọng điểm. Triển khai Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp phụ trợ Dệt May Việt Nam theo các nội dung sau:

- Mở các lớp đào tạo cán bộ quản lý kinh tế - kỹ thuật, cán bộ pháp chế, cán bộ bán hàng chuyên ngành Dệt May, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề của các dự án dệt, nhuộm trọng điểm.

- Mở các khoá đào tạo về thiết kế và phân tích vải, kỹ năng quản lý sản xuất, kỹ năng bán hàng (gồm các kỹ năng thiết kế, làm mẫu, bán hàng, kiến thức về tiêu chuẩn nguyên liệu, sản phẩm tiêu chuẩn môi trường và lao động).

- Liên kết với các tổ chức quốc tế để cử cán bộ, học sinh tham gia các khoá đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ pháp chế, cán bộ kỹ thuật, cán bộ bán hàng, đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

- Kết hợp việc đào tạo dài hạn với đào tạo ngắn hạn, kết hợp giữa đào tạo chính quy với đào tạo tại chỗ, kết hợp giữa đào tạo trong nước với việc cử cán bộ ra nước ngoài để đào tạo.

- Củng cố và mở rộng hệ thống đào tạo chuyên ngành Dệt May, xây dựng Trường Đại học Dệt May và Thời trang để tạo cơ sở vật chất cho việc triển khai các lớp đào tạo.

- Duy trì thường xuyên các lớp đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp, công nhân thông qua hệ thống các trường chuyên nghiệp của ngành dệt may nhằm cung cấp đủ nguồn nhân lực cho ngành. Hiệp hội Dệt May Việt Nam và Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đầu mối để phối hợp và liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước triển khai Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành.

Nguồn nhân lực giá rẻ sẽ không còn là một lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút FDI của Việt Nam khi các thỏa thuận về miễn giảm thuế nhập khẩu chính thực được thực hiện sau 5 hay 10 năm nữa. Vấn đề lúc này cần phải quan tâm là làm thế nào để sản xuất được các mặt hàng vừa có chất lượng tốt, vừa có giá thành rẻ. Nên cần tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật các ngành thiết kế, chế tạo máy, luyện kim, điều khiển tự động, điện tử tin học để làm chủ các công nghệ được chuyển giao, đáp ứng được yêu cầu sản xuất trang thiết bị, phụ kiện cho ngành may, khắc phục tình trạng có máy móc công nghệ hiện đại nhưng đành bỏ phí vì không có khả năng vận hành.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất phụ trợ cho dệt may hiện nay chủ yếu vẫn chưa thực sự phát triển mạnh mẽ, chưa đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động về lâu dài tại những vùn đồng bằng tập trung nguồn lao động lớn. Nhất là trong giai đoạn khó khăn như thời điểm năm 2009 khủng hoảng kinh tế toàn cầu, các doanh nghiệp nói chung đều đang rất khó khăn để giữ chân người lao động, chính phủ nên có biện pháp hỗ trợ lương, tạo tâm lý yên tâm cho người lao động, như việc cho các doanh nghiệp trong ngành vay với lãi suất thấp hoặc vay với mức giới hạn nhất định trong vòng 1 năm, mức vốn vay sẽ tùy vào năng lực của từng đơn vị. Biện pháp này là hiệu quả nhất

trong gian đoạn khó khăn hiện nay, giải quyết những vấn đề an sinh xã hội, quan tâm chăm lo tới đời sống người lao động là chủ trương của nhà nước.

d/ Giải pháp bảo vệ môi trường

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng Dệt- May Việt Nam, để đối phó với những sức ép về sinh thái, môi trường. Trước hết, các doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu cần rà soát một cách kỹ lưỡng, cẩn thận những hoá chất, chất trợ, thuốc nhuộm đang sử dụng (bao gồm cả hàng nhập khẩu và sản xuất trong nước), phải biết rõ nguồn gốc, xuất xứ của chúng và cần có “hồ sơ” của từng loại hoá chất, chất trợ, từng màu thuốc nhuộm. Đó là “Phiếu các số liệu an toàn” (safety data sheets) mà các hãng sản xuất hoá chất, thuốc nhuộm đều có.

Thay thế vào đó là những hoá chất, chất trợ thân thiện với môi trường, các thuốc nhuộm biết rõ nguồn gốc xuất xứ, chất lượng tốt, loại mới, không độc hại và ít ô nhiễm môi trường.

Song song với hoá chất, chất trợ, thuốc nhuộm (dùng cả trong nhuộm và in hoa) là công nghệ áp dụng và máy móc thiết bị tương ứng. Những năm qua, trong chiến lược tăng tốc, ngành Dệt - May đã chú trọng đáng kể đầu tư vào khâu nhuộm- hoàn tất. Nhiều loại máy móc, thiết bị tốt, mới, hiện đại đã được đầu tư chiều sâu, như các máy văng sấy Monforts, máy nhuộm liên tục Monforts ở Công ty Dệt Việt Thắng; các máy in lưới quay Stork, máy in lưới phẳng Buser ở hai Công ty Dệt- May thắng Lợi và Dệt 8- 3; các máy nhuộm “khí động lực” (Air- Jet) do được chế tạo ở Dệt kim Đông Xuân và Dệt 8-3; máy làm bóng trực mới của Công ty Dệt Nam Định, hệ thống máy xử lý trước - xử lý hoàn tất vải pha len của Công ty Dệt lụa Nam Định và Công ty 28 (Bộ Quốc phòng) v.v... Và dây chuyền thiết bị hiện đại của Công ty Nhuộm Yên Mỹ vừa đi vào sản xuất.

Song về tổng thể, ngành nhuộm- in hoa- xử lý hoàn tất Việt Nam vẫn còn đang áp dụng các công nghệ và máy móc thiết bị “truyền thống”. Do vậy

năng suất chưa cao, chất lượng chưa thật tốt và sử dụng nhiều hoá chất, thuốc nhuộm, tốn nhiều nước và năng lượng, giá thành cao đã làm giảm tính cạnh tranh trên thương trường. Ngoài ra, còn để lại hậu quả là lượng nước thải nhiều và bị ô nhiễm nặng nề, rất tốn kém khi phải xử lý nước thải.

Để phát triển bền vững, tăng trưởng mạnh, cạnh tranh được với hàng dệt-may Trung Quốc và các nước khác vào các thị trường rộng lớn và “khó tính” như Mỹ, EU, Nhật Bản, đã đến lúc cần chuyển mạnh từ các công nghệ và thiết bị truyền thống sang loại hình sản xuất” thân thiện với môi trường”, sản xuất sạch hơn, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao các hoá chất - chất trợ, thuốc nhuộm, hơi, điện, nước với các máy móc thiết bị phù hợp, nhất là các loại mới tiên tiến, hiện đại

Căn cứ vào các tiêu chuẩn và các yêu cầu sinh thái của hàng dệt - may nhập khẩu vào các thị trường EU, Nhật Bản và Bắc Mỹ, ngành Dệt-May Việt Nam cần xây dựng ngay những tiêu chuẩn cấp nhà nước hoặc ít ra là cấp Bộ, cấp ngành để làm cơ sở phân đấu cho các doanh nghiệp xuất khẩu, để nâng cao uy tín và sức cạnh tranh của hàng hoá chúng ta. Những tiêu chuẩn như thế sẽ tạo ra những sức ép “bên trong” nhằm tạo ra các sản phẩm “xanh” phù hợp.

Gần đây, Trung Quốc bắt đầu chuyển hướng sản xuất gắn với bảo vệ môi trường. Đơn cử như sau: Bắt đầu từ năm 2003, tiêu chuẩn quốc gia mới GB18401- 2001 đối với formandêhit thoát ra từ các sản phẩm dệt-may chính thức có hiệu lực thi hành. Tiêu chuẩn mới này qui định các giới hạn formandêhit phân giải như sau: 20mg/kg đối với những sản phẩm dùng cho trẻ sơ sinh (dưới 24 tháng); 75 mg/kg cho các sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với da và 300mg/kg đối với sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với da và dùng trong nhà.

Các mức trong tiêu chuẩn này hoàn toàn đồng nhất với các ngưỡng giới hạn formandêhit của “nhãn sinh thái” Oeko- tex standard 100 nổi tiếng ở Đức và châu Âu. Trung Quốc đã xây dựng bộ tiêu chuẩn “nhãn xanh” (standard for

green labelling) từ năm 2001, với kinh phí 3 triệu nhân dân tệ (khoảng 362.000 đô la Mỹ), đồng thời lập tổng sơ đồ quốc gia thực hiện tiêu chuẩn, quản lý và giám sát thực hiện. Nhóm nghiên cứu tiêu chuẩn quốc gia ISO14020 cho biết, chương trình thực hiện tiêu chuẩn này đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

Còn ở Việt Nam cho đến nay chưa ban hành tiêu chuẩn về nước thải ngành Dệt-May. Có ý kiến cho rằng không cần tiêu chuẩn ngành sản xuất này là phi thực tế, chính những ý kiến này đã làm cản trở việc ban hành tiêu chuẩn nước thải công nghiệp.

Ngành Dệt-Nhuộm thải ra môi trường loại nước thải có những đặc tính riêng mà trong tiêu chuẩn về nước thải công nghiệp nói chung không đề cập đến. Nước thải nhuộm thường có màu đậm, đặc trưng nhưng không có nghĩa là mức độc hại tỷ lệ thuận với màu sắc để phải quy định độ màu tính theo đơn vị Pt/Co tới 50, thậm chí giảm xuống 20 đơn vị là không cần thiết. Việc xử lý màu nước thải theo tiêu chuẩn chung đó là rất tốn kém.

Chính vì vậy, việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn quốc gia về nước thải ngành Dệt-Nhuộm với những chỉ tiêu ô nhiễm phù hợp, khả thi là hết sức cần thiết. Với những tiêu chuẩn như vậy cùng với các chế tài về thu phí nước thải, đồng thời có biện pháp giám sát, kiểm tra thường xuyên thì sẽ bảo vệ được môi trường sống, đồng thời góp phần vào việc phát triển sản xuất ổn định, bền vững trong ngành Dệt-May.

e/ Giải pháp thị trường cho công nghiệp phụ trợ dệt may

Trước mắt thị trường cho các doanh nghiệp phụ trợ dệt may không đâu khác chính là các doanh nghiệp trong nước, với trên 70% nguyên phụ liệu phải nhập khẩu hàng năm, máy móc thiết bị hàng năm cũng chủ yếu là nhập khẩu do năng lực nội tại chưa đáp ứng được. Do đó những biện pháp xúc tiến giúp các doanh nghiệp dệt may phát triển khả năng xuất khẩu, tăng kim ngạch xuất khẩu cũng chính là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phụ trợ. Chính

phủ cần có biện pháp hữu hiệu giúp ngành dệt may phát triển đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Trong hầu hết các chuỗi giá trị, khâu thiết kế thường đóng góp một tỷ lệ lớn giá trị gia tăng, cao hơn hẳn khâu sản xuất. Và cũng bởi thế, lao động làm việc trong các khâu mang lại giá trị gia tăng cao thường đòi hỏi trình độ cao hơn và tiền công cũng cao hơn. Bên cạnh đó, phân tích chuỗi giá trị toàn cầu còn cho chúng ta biết con đường, cách thức thương mại hoá sản phẩm của ngành. Đặc biệt là, cùng với phân tích chuỗi giá trị gia tăng của ngành Dệt May, chúng ta có thể tìm ra những điểm yếu về liên kết trong chuỗi giá trị, những điểm này có thể mang lại lợi nhuận thấp và là rào cản sức mạnh của toàn Ngành. Trong chuỗi giá trị toàn cầu của ngành Dệt May, các công ty của Việt Nam hiện nay chủ yếu vẫn sản xuất theo tiêu chuẩn công nghệ được cung ứng (OEM- Original Equipment Manufacture). Tuy nhiên, trở thành nhà cung ứng đạt chuẩn OEM vẫn đang còn nhiều vấn đề lớn mà các doanh nghiệp Việt Nam cần cố gắng hơn nữa so với các nước Đông Á. Mặt khác, muốn thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thì các doanh nghiệp Việt Nam cần phải sản xuất dưới dạng sản xuất thiết kế gốc của nước ngoài (ODM - Original Design Manufacture) hay là sản xuất nhãn hiệu của chính mình (OBM - Own Brand Manufacture). Sự xâm nhập và làm chủ lẫn nhau giữa các quốc gia trong “luật chơi toàn cầu hóa” sẽ thúc đẩy các quốc gia, đặc biệt là nước đang phát triển như Việt Nam phải biết tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh tĩnh, biến lợi thế cạnh tranh tĩnh thành lợi thế cạnh tranh động và khai thác triệt để nó. Do vậy, các doanh nghiệp Dệt May Việt Nam cần nhận thức rõ lợi thế cạnh tranh về lao động để không còn tự đặt mình vào vị trí đáy của chuỗi giá trị toàn cầu ngành dệt may trong tương lai không xa.

3.2.2 Giải pháp Vi Mô

Hoạt động sản xuất phụ trợ cho ngành dệt may hoàn toàn là ngành thương mại, cũng như các ngành nghề khác đều được sự hỗ trợ, khuyến khích ít nhiều

của chính phủ, tuy nhiên để phát triển bền vững, thu được hiệu quả kinh tế cao không có cách nào tốt hơn là dựa vào nội lực của chính bản thân các doanh nghiệp. Nâng cao năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới, nắm bắt kịp thời công nghệ, lành mạnh hóa bộ máy sản xuất.

a/ Giải pháp về nguồn vốn đầu tư

Chính phủ cũng có những giải pháp cụ thể hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may, sản xuất phụ trợ dệt may về nguồn vốn phát triển sản xuất, giữ chân công nhân... nhưng cơ bản đó chỉ là những giải pháp tình thế, trước mắt trong ngắn hạn phần nào giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn. Các doanh nghiệp cần tự tạo cho mình những nguồn vốn và phương thức huy động vốn khác nhau từ xã hội. Một biện pháp mà nhiều doanh nghiệp cũng làm là xã hội hóa, nguồn vốn đầu tư phát triển bằng cách phát hành trái phiếu, cổ phiếu. Để làm điều này các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ cho ngành dệt may cần minh bạch hóa về tài chính, kiện toàn hoạt động sản xuất kinh doanh sao cho thu hút được nhà đầu tư. Công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may hiện nay còn quá yếu kém, đây thực sự là ngành được các nhà đầu tư chú ý trong dài hạn và trước mắt là đáp ứng được chính trong thị trường nội địa. Ngoài ra trước mắt đảm bảo thu hút được các nhà đầu tư thông qua kênh chứng khoán, có thể phát hành và trả cổ tức cao hơn mức thông thường nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận công ty.

Doanh nghiệp cần huy động mọi nguồn lực tự có trong công ty như nguồn quỹ khấu hao cơ bản, vốn có được bằng bán, khoán cho thuê các tài sản không dùng đến, giải phóng tồn kho, huy động từ cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp...

Đầu tư phát triển, xây dựng hàng dệt may là ngành đòi hỏi nguồn vốn lớn, bản thân mỗi doanh nghiệp rất khó khăn nếu không có sự hợp tác liên doanh với những đối tác khác nhau. Cũng có thể là liên kết giữa những nhà

sản xuất may mặc để tạo thành những công ty con chuyên cung cấp thiết bị máy móc, cơ kiện, nguyên phụ liệu.

b/ Giải pháp về nguồn nhân lực

Bài toán nhân lực luôn được quan tâm, là điểm xuất phát cho ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, doanh nghiệp phải chủ động về nguồn nhân lực, đáp ứng được yêu cầu tiếp thu được công nghệ chuyển giao sang Việt Nam. Trong chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may và ngành dệt may Việt Nam đến 2015, định hướng tới năm 2020, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực có vai trò quyết định vì chương trình trồng bông, dệt vải nhằm mục tiêu tăng tỷ lệ nội địa hoá trong sản phẩm thì chương trình đào tạo nhằm tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng hàm lượng chất xám, tạo ra giá trị gia tăng cao cho sản phẩm. Vì cho đến nay phần lớn sản phẩm dệt, may chủ yếu là các sản phẩm phổ thông, giá rẻ, thiếu những sản phẩm khác biệt, tính thời trang thấp hoặc chỉ nhận làm gia công cho nước ngoài do thiếu đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhà quản trị, các nhà thiết kế chuyên nghiệp. Chương trình đào tạo nguồn nhân lực sẽ kết hợp nhiều hình thức đan xen, nhiều loại hình, cho nhiều đối tượng từ chuyên gia quản trị đầu ngành đến cán bộ quản lý, kỹ sư công nghệ, nhân viên kỹ thuật, tài chính, marketing, công nhân lành nghề theo các cấp độ tùy theo nhu cầu của mỗi loại hình doanh nghiệp.

Cần có sự kết hợp giữa doanh nghiệp với các trường đại học kỹ thuật, đào tạo kỹ sư giỏi, sau đó khi tốt nghiệp doanh nghiệp cử đi nước ngoài tiếp thu công nghệ tiên tiến, đây chính là đội ngũ chính, nền tảng cho bài toán nguồn nhân lực của mọi doanh nghiệp. Thực tế hiện nay không chỉ riêng với ngành công nghiệp phụ trợ mà tình trạng chung của nhiều ngành sản xuất, thiếu lao động có kỹ thuật trầm trọng, đây cũng là tất yếu của một thời gian dài chúng ta quá chú trọng đến công tác đào tạo kỹ sư, doanh nghiệp nên tích cực liên kết với Hiệp hội dệt may, với các trường dạy nghề trong cả nước nhằm đảm bảo lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, các công ty cần phải có những biện pháp giúp sinh viên làm quen với môi trường hoạt động của doanh nghiệp, có cơ hội tiếp xúc với máy móc công nghệ nhằm khởi đầu nghề khi sinh viên ra trường, xây dựng quỹ học bổng giúp sinh viên nghèo học giỏi...

Đối với người lao động đang làm việc, doanh nghiệp cần luôn quan tâm chăm lo đời sống của họ, quan tâm đến môi trường làm việc, điều kiện làm việc, tạo môi trường lao động lành mạnh trong doanh nghiệp. Dù bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào thì vai trò của người lao động có tính sống còn với sự tồn tại của doanh nghiệp đó. Bởi đây chính là nòng cốt chính tạo ra của cải, tạo ra sản phẩm cho doanh nghiệp sản xuất phụ trợ dệt may. Cần có hình thức khen thưởng kịp thời với người lao động sáng tạo, làm việc năng suất, cũng như con em của họ có thành tích cao tại các trường học.

c/ Giải pháp về công nghệ

Như đã phân tích ở trên, Việt Nam hiện nay máy móc thiết bị phục vụ ngành dệt may đã lạc hậu, không còn có khả năng cạnh tranh cao, công nghiệp phụ trợ lại là ngành đòi hỏi công nghệ cao và không ngừng phải đổi mới nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng. Hẳn điều này các doanh nghiệp đều hiểu, nhưng giải pháp cho vấn đề này vẫn còn rất nan giải vì công nghệ hiện nay thế giới đang thay đổi từng ngày, nếu không chọn lựa kỹ, thích hợp với điều kiện mỗi doanh nghiệp thì sẽ là sai lầm, thu hồi vốn mất nhiều thời gian, không hiệu quả.

Máy móc thiết bị còn thiếu, các doanh nghiệp nên thường xuyên có các cuộc thi tổ chức thiết kế máy móc thiết bị phù hợp, tích cực tham gia hội trợ triển lãm máy móc phục vụ ngành dệt may.

d/ Giải pháp về thị trường

Như đã trình bày ở trên, với kim ngạch xuất khẩu 9 tỷ USD năm 2008, thì thị trường nội địa chính là thị trường mục tiêu, giàu tiềm năng nhất cho các

doanh nghiệp sản xuất phụ trợ cho ngành dệt may. Bởi rõ ràng nếu so sánh thì chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi để tạo sự cạnh tranh như: thuận lợi trong việc tiếp cận các doanh nghiệp sản xuất may mặc, chi phí vận tải nhỏ hơn, không phải mất lệ phí cũng như thủ tục hải quan khi sản phẩm đến tay các doanh nghiệp... những lợi thế này là rất rõ ràng, nếu biết khai thác tốt chúng ta sẽ mau chóng giành được thị phần cung cấp cho chính những doanh nghiệp trong nước. Nhưng đây là lợi thế với các doanh nghiệp sản xuất những phụ kiện cho ngành may mặc như khóa, khuy, vải, phụ liệu còn với các doanh nghiệp sản xuất máy móc trang thiết bị dệt may thì sao? Về trình độ khoa học công nghệ chúng ta không thể ngang bằng với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới, nên những cơ sở sản xuất máy móc của ta không thể đáp ứng nhu cầu cho những công ty may mặc, phân khúc thị trường này chúng ta trước mắt phải chịu lùi bước. Chỉ nên tập trung vào sản xuất máy móc thiết bị phụ vụ chế biến bông, sợi... cung cấp cho những vùng canh tác của bà con nông dân, hoặc những công ty nhỏ là vệ tinh của những tổng công ty dệt may lớn.

Chiếm lĩnh thành công thị trường nội địa doanh nghiệp phụ trợ dệt may cần tích cực đầu tư vào máy móc thiết bị, sản xuất ra sản phẩm có chất lượng, nhằm hạ giá thành sản phẩm nâng cao sức cạnh tranh. Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm thích hợp nhu cầu của doanh nghiệp trong nước, cung cấp phong phú mẫu mã màu sắc, theo thị hiếu cũng như theo mùa.

e/ Giải pháp về quản lý doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm

Các doanh nghiệp cần có đội ngũ quản trị giỏi với phương pháp quản lý khoa học, đây là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Luôn biết sáng tạo, thích nghi với mọi thay đổi, ý thức làm việc cao, hăng hái, không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Doanh nghiệp cần xây dựng một cơ chế ứng xử, cả về tinh thần và vật chất, văn hóa doanh nghiệp, tạo bản sắc riêng cho mỗi doanh nghiệp.

Những năm trước đây, tiêu chuẩn kỹ thuật là vấn đề khá mới mẻ với các doanh nghiệp Việt Nam, thậm chí đã có thời gian chúng ta xem nhẹ việc lập hệ thống tiêu chuẩn chất lượng làm chuẩn mực. Nhưng hiện nay do yêu cầu buôn bán quốc tế, hàng rào thuế quan được dỡ bỏ nhiều, hàng rào phi thuế ngày càng khắt khe hơn. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật không những làm tăng giá trị cho sản phẩm hàng dệt may trong mắt bạn bè quốc tế mà còn góp phần xây dựng cho chính cho thương hiệu Việt Nam. Bởi nhiều năm trước đây do không chú trọng vào nâng cao chất lượng sản phẩm gây nên hình ảnh xấu trong mắt bạn bè quốc tế, vì vậy chúng ta cần phải áp dụng những tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm cao hơn, không những cần áp dụng tiêu chuẩn ISO 9000 mà phải áp dụng ISO 14000 và SA 8000. Tiêu chuẩn kỹ thuật phải thực sự xuất phát từ ý thức của doanh nghiệp không phải là để cho có hay đối phó.

Bên cạnh đó Doanh nghiệp cũng cần xây dựng hệ thống quản trị mạng thông tin toàn doanh nghiệp, tất cả thông tin sẽ được cập nhật và chuyển về ban giám đốc điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Với mục tiêu đưa ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam phát triển bền vững, đóng góp lớn trong tỷ trọng xuất khẩu nước nhà những năm tới đây thì những giải pháp đưa ra cần có sự phối hợp đồng bộ của Nhà nước và của cộng đồng doanh nghiệp trong ngành. Tìm kiếm lời giải cho ngành công nghiệp phụ trợ dệt may không chỉ cần nhà nước mà bản thân các doanh nghiệp cũng phải luôn tự đổi mới tạo thành sức mạnh tổng hợp xây dựng nền công nghiệp phụ trợ làm đòn bẩy cho công nghiệp dệt may thực sự cất cánh.

KẾT LUẬN

Trong quá trình công nghiệp hóa đất nước, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ là yêu cầu cấp bách, Việt Nam trong nhiều năm qua luôn gia tăng đẩy mạnh xuất khẩu ngành dệt may nhưng chưa chú trọng tập trung phát triển công nghiệp phụ trợ. Chính vì vậy dẫn đến nghịch lý là tuy ngành dệt may nhiều năm liền đứng thứ hai về kim ngạch xuất khẩu nhưng hiệu quả chưa cao, chủ yếu gia công theo đơn đặt hàng của đối tác, phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu của nước ngoài tới hơn 70%. Hiện trạng này tiếp diễn sẽ biến Việt Nam thành công xưởng gia công, ngành dệt may phát triển trong thế chông chênh, không bền vững trong dài hạn.

Trong quá trình nghiên cứu em đã nhìn nhận thấy tầm quan trọng của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may: thu hút nguồn vốn FDI, đóng góp tỷ trọng lớn vào sản phẩm ngành dệt may... đồng thời tìm hiểu đường lối phát triển của những quốc gia thành công trong lĩnh vực này để có thể đưa ra định hướng phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam.

Ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam hiện nay còn phát triển chưa đồng bộ, các doanh nghiệp trong ngành chưa liên kết chặt chẽ với nhau dẫn đến quy mô vẫn còn nhỏ, sản phẩm chưa đạt chất lượng cao. Bên cạnh đó là những yếu kém thường trực về nguồn nhân lực, nguồn vốn, nguyên liệu.

Trên cơ sở phân tích đúng thực trạng và chỉ ra những hạn chế còn tồn tại của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may em xin được đề xuất phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may không thể theo cách tràn lan, cần có sự chọn lọc tùy thuộc vào tình hình, điều kiện năng lực và thời điểm. Như trong khóa luận em đã trình bày cần xây dựng những khu, cụm công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may tại những vùng kinh tế trọng điểm, kết hợp với những chính sách hỗ trợ về vốn, tài chính, nguồn nhân lực của Chính Phủ. Tin tưởng rằng những chiến

lược, định hướng của Chính Phủ phát triển ngành công nghiệp phụ trợ đến năm 2015 tầm nhìn 2020 sẽ tạo bước tiến vững chắc cho ngành dệt may, chiếm lĩnh được thị trường nội địa và hướng tới xuất khẩu, phát triển bền vững.

Để hoàn thành khóa luận em đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề được đặt ra trong khóa luận theo những nhận định chủ quan cùng với sự đóng góp của những ý kiến của chuyên gia, nhà nghiên cứu trong ngành nhằm có được cái nhìn khách quan nhất về ngành công nghiệp phụ trợ dệt may nước nhà. Em mong muốn khóa luận có giá trị đóng góp thiết thực với việc phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may cũng như ngành may mặc nước nhà.

Trong quá trình nghiên cứu, em sẽ không tránh khỏi khiếm khuyết, rất mong thầy cô giáo và các bạn đóng góp ý kiến giúp em hoàn thiện hơn khóa luận

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Xuân Thúy – *Diễn đàn phát triển Việt Nam 2006*, Công nghiệp hỗ trợ: khái niệm và sự phát triển.
2. Đinh Phi Hồ (2008), *Giáo trình kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản thống kê
3. Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia
4. Bùi Thị Hải Yến (2007), *Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội thế giới*, Nhà xuất bản giáo dục
5. Báo cáo xuất khẩu 2008, Hiệp hội dệt may Việt Nam
6. Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Quốc Gia (2009) *Xuất khẩu dệt may năm 2008 và dự báo năm 2009*.
7. Đỗ Tuyết Khanh (2004), *Ngành dệt may sau 2004: Viễn Tương và thử thách, Thời Đại Mới*
8. Hội thảo quốc gia lần thứ nhất về "*Chương trình hành động về phát triển công nghiệp phụ trợ của Việt Nam*" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tổ chức đã diễn ra ngày 5/9/2008, tại Hà Nội.
9. Trương Thanh Long (2006), *Phát triển nguyên liệu dệt may Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận Văn Thạc Sĩ kinh tế, Đại Học Ngoại Thương Hà Nội.
10. Công Ty May 10 (2008) *Thực trạng đầu tư ngành dệt may*.
11. Biotech Việt Nam (2008) *Ngành sản xuất bông Việt Nam chọn hướng nào?*
12. Hồng Văn (2008) *Tơ Tằm Việt Nam có cơ hội hồi phục*, Báo Tiếp Thị Sài Gòn.
13. Tổng Công Ty Dệt May Việt Nam (2004), Báo Đầu Tư, Hà Nội

14. Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia(2007), *Thực trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam*, số 2 ngày 8/3/2007.
15. Hiệp Hội Dệt May Việt Nam 2008, *Thực trạng và giải pháp cho công nghiệp phụ trợ dệt may*,
16. Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, *Phát triển công nghiệp phụ trợ bắt đầu từ nguồn nhân lực*, 6/9/2008, Hà Nội.
17. *Trung tâm công nghệ xử lý môi trường, Bộ tư lệnh hoá học*, 2003.
18. Báo Công Nghiệp (2008), *Chất lượng tăng trưởng dệt may Việt Nam từ cách tiếp cận chuỗi giá trị*, 15/9/2008.
19. Bộ công thương (2008), *Quyết định của Bộ Công Thương số 42/2008/QĐ-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2008, Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015 định hướng năm 2020*.
20. Theo qui hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2010, tầm nhìn 2020. Bộ công nghiệp ban hành năm 2007.
21. Thủ tướng chính phủ (2008), *Quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số 36/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2008, phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015 định hướng năm 2020*.

Một số website:

22. http://www.agbiotech.com.vn/nganh_san_xuat_bong_viet_nam_-_chon_huong_nao
23. http://www.agro.gov.vn/news/gia_cuu_doanh_nghiep_det_may_da_day
24. <http://dddn.com.vn/Phat-trien-Cong-nghiep-phu-tro-Bat-dau-tu-nguon-nhan-luc>
25. <http://www.saigon3.com.vn/Kha-Nang-Hop-Tac-Trong-Bong-Tai-Viet-Nam-Voi-Brazil-08-07-2008/>

- 26 [http://www.ncseif.gov.vn/thuc trang va giai phap phat trien cong nghiep phu tro det may Viet Nam](http://www.ncseif.gov.vn/thuc_trang_va_giai_phap_phat_trien_cong_nghiep_phu_tro_det_may_Viet_Nam)
- 27 [http://vietnamnet.vn/pha san da dien ra voi doanh nghiep det may](http://vietnamnet.vn/pha_san_da_dien_ra_voi_doanh_nghiep_det_may)
- 28 [http://kinhte24h.com/nguyen phu lieu det may dau la so thuc](http://kinhte24h.com/nguyen_phu_lieu_det_may_dau_la_so_thuc)

- 29 [http://www.vietnamgateway.org:100/Nam Dinh dua cong nghiep det may ve nong thon](http://www.vietnamgateway.org:100/Nam_Dinh_dua_cong_nghiep_det_may_ve_nong_thon)
- 30 [http://www.garco10.vn/nganh det may voi dich kim ngach 18 ty USD](http://www.garco10.vn/nganh_det_may_voi_dich_kim_ngach_18_ty_USD)
- 31 <http://vovnews.vn/Home/Phat-trien-cong-nghiep-phu-tro-phai-duoc-tien-hanh-chon-loc>
- 32 <http://www.economics.vn/tinh-hinh-xuat-khau-det-may-nam-2008-va-du-bao-nam-2009/>
- 33 <http://www.baomoi.com/Phat-trien-cong-nghiep-phu-tro-Bao-gio>
- 34 [http://www.thesaigontimes.vn/vi sao cong nghiep phu tro o Viet Nam chua phat trien](http://www.thesaigontimes.vn/vi_sao_cong_nghiep_phu_tro_o_Viet_Nam_chua_phat_trien)
- 35 <http://vietbao.vn/Kinh-te/Nhap-sieu-vi-thieu-nganh-cong-nghiep-phu-tro>